VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1746/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 502/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 8171/BC-HĐTĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về thẩm định Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Văn bản số 10013/BKHĐT-CQTTHĐTĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát hồ sơ quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên tại Tờ trình số 243/TTr-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và văn bản số 7254/UBND-TH ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc bổ sung, Hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

1. Phần lãnh thổ đất liền:

Phạm vi lập quy hoạch đối với phần lãnh thổ đất liền, bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Phú Yên, quy mô 5.026 km^2, gồm 9 đơn vị cấp huyện, được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Bình Định;
- Phía Đông giáp Biển Đông;
- Phía Nam giáp tỉnh Khánh Hòa;
- Phía Tây giáp tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Gia Lai.

Tỉnh Phú Yên có tọa độ địa lý khoảng từ $12^o42'36''$ đến $13^o41'28''$ vĩ độ Bắc; $108^o40'40''$ đến $109^o27'47''$ kinh độ Đông.

2. Phần không gian biển: Được xác định trên cơ sở Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với đường lối, chủ trương, định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước, với mục tiêu, định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch ngành quốc gia, Chương trình phát triển vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030. Bảo đảm dân chủ, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định và phát triển.

b) Phát triển dựa trên đặc trưng khác biệt của Tỉnh về tài nguyên thiên nhiên và văn hóa để tạo nền tảng bứt phá, ưu tiên; đánh giá phân tích những đặc trưng khác biệt, tìm ra những lợi thế tự nhiên và văn hóa của Tỉnh so với các tỉnh khác trong vùng duyên hải Trung bộ. Xác định các ngành sản phẩm, đặc trưng, khác biệt, có giá trị kinh tế cao và có khả năng cạnh tranh về kinh tế biển, công nghiệp (nhất là công nghiệp luyện kim, công nghiệp lọc, hóa dầu, năng lượng,...), du lịch và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phát triển đột phá vùng ven biển; phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và miền núi, vùng phía đông và phía tây; thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa vùng động lực và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

c) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, hạnh phúc của Nhân dân, bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo môi trường sống an toàn, nhân văn, coi trọng quản lý xã hội và mở rộng dân chủ gắn với kỷ luật, kỷ cương; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản truyền thống, lịch sử; xây dựng xã hội số gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp Nhân dân, đặc biệt là các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Phát triển dựa trên đa dạng hóa các nguồn lực, coi nội lực là nền tảng, lấy ngoại lực để tạo đột phá, chú trọng hài hòa giữa các động lực phát triển. Phát huy tối đa nhân tố con người gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tích cực Hoàn thiện các điều kiện về thể chế và hạ tầng để huy động hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển.

đ) Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc chủ quyền trên biển. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Mở rộng các quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế để tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2030, Phú Yên trở thành tỉnh phát triển theo hướng hiện đại và bền vững. Kinh tế phát triển dựa trên lợi thế biển với các trụ cột: Công nghiệp (luyện kim, lọc, hóa dầu, năng lượng,...); du lịch dịch vụ chất lượng cao; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; vận tải biển và logistics. Thực hiện thành công các mục tiêu chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, cải thiện mạnh môi trường đầu tư kinh doanh, trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn của các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước. Có mạng lưới kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội đồng bộ, hiện đại. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao, môi trường sống được cải thiện; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, quốc phòng, an ninh được tăng cường.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt khoảng 8,5 - 9%/năm; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 150 - 156 triệu đồng.

+ Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 34%; dịch vụ chiếm 46%; nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 15%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) chiếm khoảng 5,0%.

+ Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt trên 40%.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt 7,0 - 7,5%/năm.

+ Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không kể thu tiền sử dụng đất) bình quân 9 - 10%/năm.

+ Tổng nhu cầu vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 95 - 98 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 190 - 200 nghìn tỷ đồng.

+ Tổng lượt khách du lịch đến Phú Yên đạt 7.000.000 lượt khách, trong đó có 600.000 lượt khách quốc tế, đóng góp GRDP của ngành du lịch trong tổng GRDP của tỉnh đạt khoảng 15%.

+ Tỷ trọng kinh tế số chiếm 30% GRDP;

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 50%, đô thị phát triển theo hướng thông minh.

- Về xã hội:

+ Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm còn dưới 1,5% năm 2030.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%; tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%. Tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp giảm còn dưới 35%.

+ Mỗi năm giải quyết việc làm mới cho 23.000 - 25.000 lao động

+ Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia: Mầm non: 55% trường đạt chuẩn mức độ 1; tiểu học: 60% trường đạt chuẩn mức độ 1, 5% trường đạt chuẩn mức độ 2; trung học cơ sở: 65% trường đạt chuẩn mức độ 1, 2% trường đạt chuẩn mức độ 2; trung học phổ thông: 50% trường đạt chuẩn mức độ 1, 25% trường đạt chuẩn mức độ 2.

+ Tuổi thọ bình quân đạt 75,5 tuổi; thời gian sống khỏe mạnh (tính theo năm) đạt trên 68 tuổi;

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98%; đạt 42 - 44 giường bệnh/10.000 dân; 12 bác sĩ/10.000 dân;

+ Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi theo cân nặng giảm xuống dưới 9% và theo chiều cao giảm xuống dưới 15%.

- Về bảo vệ môi trường:

+ Duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt 48%.

+ 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó 80% - 85% được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn; phấn đấu tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt gần 100%. Đảm bảo cấp nước cho các khu, cụm công nghiệp.

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 95%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt trên 95% và 70 - 80% được tái chế, tái sử dụng hoặc xử lý bằng công nghệ tiên tiến, tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 30%.

+ Các đô thị phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải khu vực đô thị loại I đạt mức tối thiểu 50% và trên 20% (đối với các loại đô thị còn lại).

+ Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%.

- Về kết cấu hạ tầng:

+ Hoàn thành đầu tư khung hệ thống kết cấu hạ tầng: Cảng biển, sân bay hiện đại; Đường cao tốc kết nối thuận lợi với các tỉnh khu vực và cả nước; Hạ tầng số đủ năng lực thúc đẩy và nâng cao hiệu quả chuyển đổi số; Hạ tầng đô thị cơ bản được đầu tư hiện đại và tổ chức tốt; Hạ tầng khoa học công nghệ và đào tạo phát triển hình thành một điểm (hub) về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

+ Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 90%; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đạt khoảng 30%.

- Quốc phòng, an ninh: Chủ động nắm chắc tình hình, dự báo, xử lý kịp thời các tình huống, không để bị động bất ngờ; thực hiện phòng, chống hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống; tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh cả về tiềm lực và thế trận, xây dựng khu vực phòng thủ Tỉnh vững chắc, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh trong tình hình mới, góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Phú Yên trở thành tỉnh có nền kinh tế đa dạng và thịnh vượng; phát triển đạt mức khá so với các địa phương trong cả nước, phấn đấu từ năm 2035 tỉnh Phú Yên tự cân đối được ngân sách nhà nước. Là một trung tâm kinh tế biển của vùng Duyên hải Trung Bộ; có hệ thống đô thị thông minh, xanh, bền vững, bản sắc,

trong đó những đô thị ven biển thu hút khách du lịch và có môi trường đáng sống của vùng và cả nước. Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Các hoạt động kinh tế - xã hội và quản trị công được vận hành chủ yếu theo cơ chế của nền kinh tế số, xã hội số. Các ngành kinh tế phát triển theo phương thức thông minh và các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước. Các giá trị văn hóa truyền thống của tỉnh được bảo tồn, gìn giữ, phát huy hiệu quả, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; người dân có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả. Tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, thân thiện, nâng dần vị trí xếp hạng các chỉ số của Tỉnh lên thuộc nhóm tốt của cả nước. Phát triển các nền tảng số, ứng dụng công nghệ số mới vào cải cách thủ tục hành chính, xây dựng đô thị thông minh và từng bước chuyển đổi sang chính quyền số.

b) Huy động, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm mọi nguồn lực, nhất là đất đai, tạo đột phá xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển (1) Hạ tầng giao thông với tuyến đường ven biển, các trục giao thông chính gắn kết với các trung tâm, các đầu mối giao thương lớn của vùng và cả nước; các nút giao thông kết nối với cao tốc Bắc - Nam, tuyến kết nối cảng biển; tuyến quốc lộ kết nối trực tiếp với tỉnh Khánh Hòa, Bình Định và các tỉnh Tây Nguyên (Đắk Lắk, Gia Lai) tạo liên kết phát triển vùng; (2) Khu kinh tế Nam Phú Yên với hạt nhân là phát triển cảng nước sâu Bãi Gốc và Khu công nghiệp Hòa Tâm nhằm phát huy lợi thế nằm gần đường hàng hải quốc tế để thu hút đầu tư phát triển các dự án luyện kim, lọc, hóa dầu; năng lượng sạch;...; (3) Chuỗi đô thị ven biển với trung tâm là thành phố Tuy Hòa mở rộng - cực tăng trưởng của Tỉnh; (4) Một số cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc tế và y tế chất lượng cao; (5) Hạ tầng số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, xã hội số.

c) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dám nghĩ, dám làm, sáng tạo, năng động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Huy động mạnh mẽ nguồn lực ngoài nhà nước để tập trung phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Khơi dậy mạnh mẽ ý chí, khát vọng phát triển và phát huy giá trị, truyền thống, bản sắc văn hóa đặc trưng của Tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

d) Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tích cực, chủ động phối hợp, liên kết phát triển với các tỉnh trong khu vực; xây dựng hình ảnh và quảng bá du lịch cả trong nước và quốc tế; khai thác hiệu quả các tiềm năng du lịch hiện có của địa phương.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng trên cơ sở tăng năng suất, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên phát triển một số ngành có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn trong không gian phát triển; cân đối, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; trong đó:

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

a) Ngành công nghiệp

Duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở mức cao, theo hướng bền vững và là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế, đưa Phú Yên trở thành một trong những tỉnh có công nghiệp thuộc nhóm phát triển mạnh của vùng, các khu công nghiệp với công nghệ hiện đại thu hút đầu tư các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao. Phát triển các ngành công nghiệp và các sản phẩm quan trọng là thế mạnh của Tỉnh, song song với việc nâng cao trình độ công nghệ và áp dụng công nghệ cao, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu và bảo vệ môi trường; phát triển công nghiệp hỗ trợ, từng bước tham gia trong chuỗi cung ứng toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia lớn.

Phát triển các ngành công nghiệp động lực gắn với kinh tế biển, mở rộng và phát triển các ngành công nghiệp hiện có theo hướng sản xuất sản phẩm tinh, sản phẩm chế biến sâu với hàm lượng công nghệ cao, ít gây ô nhiễm môi trường, có giá trị gia tăng cao. Phát triển một số ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh như sau: Luyện kim; lọc, hóa dầu; sản xuất năng lượng (điện gió, điện mặt trời, các dạng năng lượng mới hydro, Amoniac xanh...); hóa chất (hóa dược, phân bón..); chế biến nông, lâm, thủy sản; cơ khí - chế tạo; sản xuất sản phẩm gắn công nghệ số (sản xuất các sản phẩm thiết bị điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm, công nghiệp tự động hóa, thiết kế và sản xuất chíp..); …

Hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn gắn với chế biến nông lâm thủy sản. Đẩy mạnh phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ giữa công nghiệp

với nông nghiệp và các ngành dịch vụ liên quan (như thương mại, vận tải, logistics, xuất nhập khẩu…). Phát triển làng nghề gắn với bảo vệ môi trường và xây dựng thương hiệu làng nghề gắn với du lịch.

b) Ngành dịch vụ

Phát triển thương mại - dịch vụ tỉnh Phú Yên gắn với hiện đại hóa hạ tầng thương mại và cơ cấu hợp lý về số lượng, loại hình và không gian; kết nối thị trường thành thị và nông thôn trên địa bàn Tỉnh và kết nối mở rộng thị trường khu vực và cả nước.

Phát triển du lịch tỉnh Phú Yên trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, động lực phát triển kinh tế - xã hội, có hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch đồng bộ, hiện đại, giàu bản sắc văn hóa; lấy du lịch nghỉ dưỡng biển đảo làm chủ đạo, phát triển theo hướng cao cấp, chuyên biệt, cùng với du lịch MICE, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và du lịch nghỉ dưỡng kết hợp với khám chữa bệnh; kết hợp thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí, khu đô thị. Phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, di sản văn hóa và các danh tham thắng cảnh,...

Thành lập Công viên địa chất Phú Yên hướng tới danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO để xây dựng thương hiệu địa phương trong chiến lược quảng bá hình ảnh, phát triển du lịch quốc tế, hướng đến việc khai thác và phát huy đồng bộ, toàn diện giá trị các di sản địa chất, di sản văn hóa xã hội lịch sử, đa dạng sinh học một cách bền vững, góp phần vào mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, nâng cao thu nhập cho người dân.

Tập trung phát triển dịch vụ logistics gắn với cảng hàng không Tuy Hòa, bến cảng Vũng Rô và bến cảng nước sâu Bãi Gốc, cảng cạn ICD Đông Hòa trên cơ sở tập trung cải thiện các dịch vụ lưu kho nội địa, các dịch vụ giá trị gia tăng và cơ sở hạ tầng đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Hình thành các trung tâm logistics gắn với các đô thị lớn của Tỉnh và các khu công nghiệp trên địa bàn.

Phát triển ngành dịch vụ theo hướng đa dạng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, là điểm tựa vững chắc cho sản xuất. Phát triển mạnh khu vực dịch vụ, tiếp cận với trình độ hiện đại, đảm bảo hội nhập quốc tế và khu vực. Tập trung đầu tư vào các ngành dịch vụ có tiềm năng: Tài chính - ngân hàng, dịch vụ y tế, giáo dục kỹ năng...

c) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản:

Phát triển nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, sinh thái, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới phồn vinh và văn minh; nâng cao giá trị gia tăng, sản xuất hàng hóa quy mô lớn gắn với các lợi thế của từng địa phương trong Tỉnh. Trong đó:

- Trồng trọt: Phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn với các mặt hàng chủ lực của Tỉnh, ứng dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất theo chuỗi các sản phẩm chủ lực của Tỉnh trên cơ sở khuyến khích các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất; đồng thời phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Các sản phẩm chính: Cây lương thực trọng tâm là cây lúa; rau màu các loại; cây công nghiệp; các loại cây ăn quả; cây dược liệu.

- Chăn nuôi: Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp và liên kết chuỗi giá trị. Xác định các sản phẩm chăn nuôi chủ lực có lợi thế để tập trung đầu tư và phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô lớn theo phương thức chăn nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường và khuyến khích phát triển chăn nuôi hữu cơ... Các sản phẩm chủ yếu như bò, lợn, gia cầm...

- Lâm nghiệp: Bảo vệ rừng tự nhiên hiện có, phục hồi hệ sinh thái rừng tự nhiên đang bị suy thoái; phát huy lợi thế mỗi vùng sinh thái của từng địa phương gắn với mục tiêu xóa đói giảm nghèo, an ninh lương thực và phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, phù hợp với chiến lược phát triển lâm nghiệp và định hướng phát triển chung của Tỉnh. Hình thành các công viên cây xanh ở các đô thị theo mô hình rừng trong phố. Phát triển trồng cây dược liệu, cây rừng có giá trị kinh tế như: Mắc ca, Quế, Dó bầu, Sa Nhân tím... Huy động tối đa nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư, phát triển các giá trị của rừng trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học, sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng.

- Thủy sản: Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, nuôi công nghiệp ở vùng biển hở, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; tối ưu hóa khai thác thủy sản vùng khơi, tổ chức khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi; Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, lao động; đầu tư, nâng cấp đồng bộ cơ sở hậu cần dịch vụ nghề cá. Phát triển chế biến, tiêu thụ thủy sản trong mối liên kết chuỗi sản xuất nuôi trồng, khai thác, chế biến, thương mại thủy sản để tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của người sản xuất.

- Diêm nghiệp: Đầu tư cơ sở hạ tầng tạo điều kiện ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật sản xuất muối và các sản phẩm giá trị gia tăng sau muối, kết hợp sản xuất muối với các sản phẩm thủy đặc sản.

2. Phương hướng phát triển một số ngành, lĩnh vực khác

a) Y tế và chăm sóc sức khỏe

Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe thành hệ thống cung cấp dịch vụ hiện đại, bảo đảm tính hệ thống và tính liên tục cung cấp dịch vụ trong từng tuyến, giữa các

tuyến và phát triển hợp lý giữa các cơ sở, để người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng cao trên cơ sở đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển mạng lưới y tế.

b) Giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Phát triển giáo dục thành ngành cung cấp dịch vụ chất lượng, cơ sở phát triển toàn diện nguồn nhân lực; phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của con người, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững. Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật trường đạt chuẩn quốc gia. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo.

Phát triển nguồn nhân lực có quy mô, cơ cấu, chất lượng cao, tạo ra lực lượng lao động có trình độ, kỹ năng, kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu lao động qua đào tạo cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm của Tỉnh và yêu cầu của các doanh nghiệp trên địa bàn.

c) An sinh xã hội

Phát triển và Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội đa tầng, linh hoạt và có khả năng hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau và trong mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với phát triển và Hoàn thiện hệ thống chăm sóc xã hội. Chú trọng nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện các mục tiêu của chương trình giảm nghèo bền vững. Quan tâm thực hiện chương trình xóa nhà ở tạm; xây dựng nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp. Tăng cường công tác trợ giúp và bảo trợ xã hội, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới.

d) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, nhận chuyển giao những thành tựu của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phấn đấu khoa học và công nghệ của tỉnh đạt trình độ khá trong khu vực Duyên hải Trung bộ trên cơ sở ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ, chú trọng chuyển đổi số. Phát triển, ứng dụng khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao; công nghệ dịch vụ du lịch; chuyển giao, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp. Thu hút mạnh mẽ nguồn lực xã hội đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Tỉnh, thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

đ) Phát triển văn hóa, thể thao

Đảm bảo giữ gìn bản sắc của vùng đất và con người Phú Yên. Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững. Ưu tiên tu bổ, tôn tạo các di tích đã xếp hạng bị xuống cấp, các di tích có giá trị phát triển du lịch.

Tập trung xây dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Phát triển sâu rộng và bền vững hoạt động thể dục thể thao, phát triển thể thao thành tích cao, tập trung vào các môn thế mạnh của thể thao Tỉnh. Khuyến khích xã hội hóa phát triển thể dục, thể thao.

e) Đảm bảo quốc phòng, an ninh

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, toàn diện, làm nòng cốt để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân vững chắc; gắn phát kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ; thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường an ninh, an toàn thông tin mạng.

3. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội và phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã

a) Bố trí không gian phát triển mới, phù hợp với các định hướng, mục tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội theo nguyên tắc: "Một vành đai phụ trợ - Hai hành lang phát triển - Ba khu vực trọng điểm phát triển", trong đó:

- Một (01) vành đai phụ trợ (gắn với trục Quốc lộ 19C): Là vùng phát triển song song dọc theo tuyến giao thông quốc lộ 19C kết nối với tỉnh Bình Định và tỉnh Đắk Lắk, là vùng có tiềm năng phát triển lớn về văn hóa, lịch sử và an ninh quốc phòng.

- Hai (02) hành lang động lực phát triển:

+ Hành lang ven biển Bắc - Nam (gắn với trục Quốc lộ 1, cao tốc Bắc Nam, đường ven biển của tỉnh): Là khu vực có tiềm năng phát triển lớn nhất về đô thị, công nghiệp, du lịch và nuôi trồng thủy, hải sản; tập trung du lịch ở phía Bắc, công nghiệp ở phía Nam, thành phố Tuy Hòa là trung tâm phát triển tổng hợp của hành lang.

+ Hành lang Đông - Tây (gắn với trục Quốc lộ 25 và Quốc lộ 29): Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng hiện đại, thông minh, hình thành vùng chuyên canh lớn; bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển du lịch sinh thái, dịch vụ logistics…

- Ba (03) khu vực trọng điểm phát triển:

+ Khu vực trọng điểm phía Bắc: Phát triển du lịch, kinh tế biển, trong đó thị xã Sông Cầu là trung tâm kết nối đến các vùng phía Bắc và phía Tây của Tỉnh, là trung tâm dịch vụ và du lịch phía Bắc Phú Yên, kết nối với thành phố Quy Nhơn (tỉnh Bình Định) tạo cơ hội liên kết phát triển du lịch và các dịch vụ khác; tập trung đầu tư phát triển khu du lịch Vịnh Xuân Đài hướng tới phân khúc du lịch cao cấp, nghỉ dưỡng, chuyên biệt.

+ Khu vực trọng điểm phía Nam: Phát triển công nghiệp luyện kim, lọc, hóa dầu, hóa dược, các ngành năng lượng sạch, sản xuất sản phẩm gắn với công nghệ số, công nghiệp chế biến chế tạo, cảng biển, du lịch... Khu vực Đông Hòa là cửa ngõ kết nối với các trung tâm kinh tế trong vùng, khu vực Tây Nguyên, cả nước và quốc tế. Thành phố Tuy Hòa là đô thị trung tâm của tỉnh Phú Yên. Khu vực Đông Hòa là trung tâm công nghiệp, hậu cần của Tỉnh, phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên theo hướng đô thị dịch vụ, công nghiệp và logistics, liên kết với khu kinh tế Bắc Vân Phong; về phía Bắc của thành phố Tuy Hòa ưu tiên phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, khu vực tập trung các cơ sở giáo dục - đào tạo cấp vùng.

+ Khu vực trọng điểm phía Tây: Phát triển thương mại dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao, các vùng nguyên liệu gắn với các nhà máy chế biến và phát triển du lịch. Phát triển thị trấn Củng Sơn và Hai Riêng trở thành đầu mối giao thương với các tỉnh khu vực Tây Nguyên. Tận dụng lợi thế về giao thông, tập trung phát triển vùng sản xuất công nghiệp, nông nghiệp; phát triển du lịch gắn với văn hóa khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, du lịch sinh thái.

b) Liên kết không gian vùng huyện, liên huyện theo hướng tổ chức không gian tỉnh gồm 03 vùng động lực phát triển:

- Vùng biển và ven biển (bao gồm thị xã Sông Cầu, huyện Tuy An, thành phố Tuy Hòa và thị xã Đông Hòa): Tập trung xây dựng vùng biển và ven biển trở thành khu vực kinh tế đa ngành, đa chức năng, là đầu tàu phát triển kinh tế của Tỉnh với thành phố Tuy Hòa và thị xã Đông Hòa trở thành cực tăng trưởng chủ lực. Xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên trở thành một trong những trung tâm công nghiệp (công nghiệp luyện kim; lọc, hóa dầu; năng lượng,...), cảng biển lớn của vùng Duyên hải Trung Bộ và Tây Nguyên; nâng cao chất lượng dịch vụ và xây dựng thương hiệu khu du lịch quốc gia Vịnh Xuân Đài; thu hút đầu tư khu vực Vũng Rô, đầm Ô Loan, vịnh Xuân Đài, đầm Cù Mông, cụm du lịch Gành Đá Đĩa - Hòn Yến - Bãi Xép trở thành khu du lịch mang tầm cỡ quốc gia và từng bước nâng cấp mang tầm quốc tế. Hoàn thành tuyến đường ven biển và các tuyến đường nối từ quốc lộ 1A đến các điểm du lịch, đô thị ven biển.

- Vùng đồng bằng (bao gồm huyện Tây Hòa và huyện Phú Hòa): Hình thành các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu cây hàng năm và cây ăn quả cho công nghiệp chế biến. Phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến quy mô vừa và nhỏ với nhiều trình độ công nghệ, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, phát triển dịch

vụ, làm vệ tinh cho doanh nghiệp lớn, giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ. Kêu gọi thu hút đầu tư để phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên gắn với các nhà máy chế biến.

- Vùng miền núi (bao gồm các huyện Đồng Xuân, Sơn Hòa, Sông Hinh). Khuyến khích các thành phần kinh tế và người dân trồng rừng sản xuất kết hợp với bảo vệ rừng tự nhiên; xây dựng các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, cây nguyên liệu, dược liệu chất lượng cao; chăn nuôi đại gia súc, công nghiệp chế biến nông lâm sản; phát triển kinh tế trang trại; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp sản xuất vườn đồi, vườn rừng. Phát triển mạnh du lịch miền núi gắn với văn hóa các dân tộc, cảnh quan thiên nhiên. Từng bước nâng cao mọi mặt đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số. Phát triển khu vực Sơn Long - Trung tâm vùng cao nguyên Vân Hòa trở thành trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng, hội nghị, hội thảo của Tỉnh gắn với di tích lịch sử nhà thờ Bác Hồ, hội trường mùa Xuân.

c) Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã

- Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện giai đoạn 2023 - 2030:

+ Giai đoạn 2023 - 2025: Không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện phải sắp xếp.

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định.

- Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã:

+ Giai đoạn 2023 - 2025: Dự kiến sắp xếp 05 đơn vị hành chính cấp xã gồm: Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4 và xã Bình Ngọc thuộc thành phố Tuy Hòa.

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định. Dự kiến sắp xếp 10 đơn vị hành chính cấp xã gồm: Xã Xuân Thọ 2 thuộc thị xã Sông Cầu; Xã An Thạch và Xã An Định thuộc huyện Tuy An; Xã Hòa Định Đông thuộc huyện Phú Hòa; Xã Cà Lúi và Xã Krông Pa thuộc huyện Sơn Hòa; Xã Đức Bình Tây và Xã Ea Lâm thuộc huyện Sông Hinh; Xã Xuân Sơn Nam và Xã Xuân Quang 3 thuộc huyện Đồng Xuân.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cần phải tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, đơn vị hành chính ổn định từ lâu, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các đơn vị hành chính nông thôn đã được quy hoạch thành đơn vị hành chính đô thị. Việc xác định phạm vi, ranh giới, tên địa lý và triển khai phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sẽ được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

a) Hệ thống đô thị

Đến năm 2030, tỉnh Phú Yên có 18 đô thị bao gồm: 01 đô thị loại I (thành phố Tuy Hòa); 01 đô thị loại II (thành phố Sông Cầu); 01 đô thị loại III (thị xã Đông Hòa); 06 đô thị loại IV (đô thị Củng Sơn, Phú Thứ, Tuy An, La Hai, Hai Riêng, Phú Hòa); 09 đô thị loại V (đô thị Tân Lập, Sơn Long, Sơn Thành Đông, Hòa Trị, Xuân Phước, Xuân Lãnh, Trà Kê Sơn Hội, Hòa Mỹ Đông, Phong Niên).

b) Định hướng phát triển thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu và thị xã Đông Hòa:

- Thành phố Tuy Hòa: Là đô thị loại I, định hướng phát triển trở thành đô thị biển với hệ thống công viên, cây xanh và có rừng trong trung tâm thành phố. Tạo lập môi trường và xã hội an toàn, lành mạnh cho cộng đồng.

Xây dựng thành phố Tuy Hòa trở thành đô thị văn minh, hiện đại, là động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Yên, có bản sắc riêng trong chuỗi đô thị ven biển Miền Trung, là một trong những trung tâm tổng hợp cấp vùng về giao thông, trung tâm du lịch vùng Duyên hải Trung Bộ, trung tâm đào tạo. Tập trung đầu tư xây dựng, phát triển và mở rộng không gian đô thị, từng bước Hoàn thiện các tiêu chí đô thị, đủ điều kiện công nhận thành phố Tuy Hòa là đô thị loại I trực thuộc Tỉnh.

- Thị xã Sông Cầu: Là đô thị II (trong kỳ quy hoạch), định hướng phát triển trở thành thành phố du lịch. Đô thị Sông Cầu là trung tâm tiểu vùng phía Bắc của tỉnh Phú Yên về kinh tế, văn hóa, dịch vụ, du lịch và công nghiệp, là đầu mối giao

thông, cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Phú Yên, có vai trò quan trọng về an ninh, quốc phòng. Phát triển theo hướng đô thị du lịch biển trên cơ sở khai thác các lợi thế đặc trưng của địa phương.

- Thị xã Đông Hòa: là đô thị loại III (trong kỳ quy hoạch), là vùng kinh tế động lực của tỉnh Phú Yên. Định hướng phát triển đô thị Đông Hòa với trọng tâm là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa chức năng, phát triển các ngành công nghiệp chủ lực như: Luyện kim, lọc hóa dầu, năng lượng… gắn với cảng biển; trở thành một trong các trung tâm dịch vụ và du lịch cấp quốc gia và khu vực.

(Chi tiết Phụ lục I kèm theo)

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Phát triển các khu dân cư nông thôn trên cơ sở tận dụng các điểm dân cư hiện hữu; tiết kiệm và hạn chế tối đa sử dụng đất canh tác, cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững. Phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với vùng sản xuất, phù hợp phong tục tập quán, đặc điểm tự nhiên của từng vùng trong Tỉnh. Bảo vệ các không gian cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và các không gian có giá trị trong vùng nông thôn.

Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, gồm: (i) Khu vực đồi núi: Chăm sóc, bảo vệ sinh thái rừng, trồng cây công nghiệp, cây dược liệu, cây ăn quả. Phát triển làng nghề truyền thống dân tộc phục vụ du lịch; (ii) Vùng sinh thái ven biển, biển: Phát huy lợi thế biển, tập trung phát triển đánh bắt hải sản; nuôi trồng thủy sản; nuôi yến và khai thác, chế biến yến sào; phát triển các làng cá truyền thống phục vụ du lịch; phát triển dịch vụ du lịch, giải trí.

3. Phương án phát triển các khu chức năng

a) Khu Kinh tế Nam Phú Yên

Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên trở thành Khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa chức năng với trọng tâm là các loại hình công nghiệp công nghệ cao, các ngành công nghiệp gắn với việc phát huy lợi thế cảng biển, tập trung thu hút các ngành công nghiệp luyện kim, lọc hóa dầu, năng lượng,... vào Khu công nghiệp Hòa Tâm nhằm khai thác tiềm năng cảng Bãi Gốc. Xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên thành một trung tâm dịch vụ và du lịch cấp quốc gia và khu vực, tạo bứt phá về kinh tế - xã hội trong khu vực duyên hải Trung Bộ và liên kết phát triển giữa các tỉnh vùng duyên hải Trung Bộ với Tây Nguyên.

b) Các khu công nghiệp

Phát triển các khu công nghiệp (KCN) tại các vị trí thuận lợi về kết nối giao thông đường bộ, đường thủy, cảng biển và có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với tổng quy mô phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch. Giai đoạn 2021 - 2025, thực hiện theo chỉ tiêu phân bổ của Quy hoạch sử dụng đất quốc gia; sau năm 2025 phát triển khoảng 11 KCN với diện tích khoảng 3.462 ha khi được cấp có thẩm quyền bổ sung chỉ tiêu quy hoạch diện tích đất khu công nghiệp.

(Chi tiết Phụ lục II kèm theo)

c) Các cụm công nghiệp

Phát triển các cụm công nghiệp (CCN) tại các vị trí kết nối giao thông thuận lợi, gần nguồn nguyên liệu, đảm bảo các điều kiện hạ tầng điện, nước, thu gom, xử lý rác thải, nước thải, các dịch vụ phục vụ người lao động... Đến năm 2030, tỉnh Phú Yên có 16 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 730 ha, trong đó thành lập mới 05 cụm công nghiệp. Đến năm 2050, trên địa bàn Tỉnh có 30 CCN với tổng diện tích khoảng 1.290 ha.

(Chi tiết Phụ lục III kèm theo)

d) Các khu du lịch

Giai đoạn 2021 - 2030, tập trung phát triển: Khu du lịch gành Đá Đĩa; Khu du lịch quốc gia vịnh Xuân Đài; Khu du lịch nghỉ dưỡng biển Từ Nham; Khu danh thắng Bãi Môn - Mũi Điện; Khu Di tích lịch sử Vũng Rô - du lịch sinh thái Hòn Nưa; Khu Du lịch sinh thái đầm Ô Loan; Khu Du lịch sinh thái đảo Nhất Tự Sơn; Khu danh thắng Quần thể Hòn Yến - bãi Phú Thường; Khu Du lịch sinh thái núi Đá Bia; Khu công viên văn hóa Núi Nhạn; các khu ẩm thực đậm đà Xứ Nẫu. Ưu tiên thu hút đầu tư phát triển các khu chức năng dịch vụ tổng hợp nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao, trong đó dự kiến thu hút khoảng 03 - 04 sân gôn tại một số vị trí thuận lợi trên địa bàn Tỉnh. Có chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng. Đầu tư và thu hút đầu tư các dự án tôn tạo các danh lam thắng cảnh phục vụ phát triển du lịch.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

đ) Các khu bảo tồn, di sản

Bảo quản, tu bổ, phục hồi các khu bảo tồn, di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh và các khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể.

e) Hạ tầng nhà ở, khu dân cư, tái định cư

Bố trí đủ quỹ đất, khuyến khích, ưu tiên các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp cùng với nhà nước đầu tư phát triển các khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư, khu nhà ở xã hội gắn với các công trình phục vụ chỉnh trang đô thị, bảo vệ môi trường trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

4. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tại các khu vực có tiềm năng, điều kiện tự nhiên thuận lợi đối với trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt thủy sản theo hướng nông nghiệp công nghệ cao:

- Trồng trọt: (i) Vùng sản xuất lúa tập trung: Các huyện Tây Hòa, Phú Hòa, Tuy An và thị xã Đông Hòa; (ii) Vùng trồng Ngô, hồ tiêu tập trung: Các huyện Sông Hinh, Sơn Hòa, Tuy An, Tây Hòa, Phú Hòa; (iii) Vùng cây ăn quả, vùng nguyên liệu, dược liệu chất lượng cao: Các huyện Sơn Hòa, Sông Hinh, Tây Hòa và Đồng Xuân; (iv) Hoa, rau màu tập trung: Thành phố Tuy Hòa, các huyện Phú Hòa, Tây Hòa, Tuy An, Sơn Hòa; (v) Vùng trồng mía, sắn tập trung: Các huyện Sông Hinh, Sơn Hòa, Đồng Xuân.

- Vùng chăn nuôi tập trung: (i) Xây dựng các vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung với diện tích khoảng 10.930 ha: (ii) Vùng chăn nuôi gia cầm: Các huyện Phú Hòa, Tây Hòa, Tuy An và thị xã Đông Hòa; (iii) Vùng Chăn nuôi heo: Các huyện Đồng Xuân, Sơn Hòa, Sông Hinh, Tây Hòa và Tuy An; (iv) Vùng chăn nuôi đại gia súc: Các huyện Sơn Hòa, Đồng Xuân, Sông Hinh, Tây Hòa, Phú Hòa và Tuy An; (v) Xây dựng các vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích khoảng 640 ha.

- Vùng nuôi trồng thủy sản: (i) Các vùng nuôi tập trung tại: Ven vịnh Xuân Đài; ven Đầm Cù Mông; ven Đầm Ô Loan và Sông Bình Bá (huyện Tuy An); lưu vực sông Bàn Thạch - thị xã Đông Hòa; (ii) Vùng mặt nước biển tại vịnh Xuân Đài, đầm Cù Mông, đầm Ô Loan, biển hở Tuy An, Sông Cầu. Ưu tiên thu hút các dự án nuôi trồng thủy sản vùng biển hở áp dụng công nghệ cao.

- Phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Vùng trồng lúa khoảng 1.700ha; Vùng trồng bắp sinh khối khoảng 900ha; Vùng trồng mía khoảng 700ha; Vùng trồng rau khoảng 600ha, trồng nấm 15ha; Vùng trồng hoa - cây cảnh khoảng 400ha; Vùng trồng hồ tiêu khoảng 300ha; Vùng cây ăn quả khoảng 3.000ha; Vùng cây dược liệu khoảng 1.300ha; Vùng chăn nuôi bò sữa khoảng 330ha; Vùng nuôi bò thịt, lợn khoảng 760ha; Vùng nuôi tôm thẻ, tôm hùm, nuôi thủy sản trên cạn.

5. Phương án phân bố không gian phát triển đô thị và các điểm dân cư nông thôn

Không gian phát triển đô thị trên cơ sở mở rộng không gian đô thị hiện hữu, phát triển mật độ cao tại các khu vực trung tâm gắn với vùng huyện, liên huyện. Không phát triển dàn trải đô thị theo các tuyến hạ tầng đối ngoại. Hạn chế tăng mật độ đô thị trong các vùng sản xuất nông nghiệp. Các điểm dân cư nông thôn phát triển tập trung, theo chiều sâu, không phân tán, ưu tiên bố trí tại các lưu vực sông có các nguồn lực, điều kiện sản xuất, kinh doanh thuận lợi tại các đô thị ven sông, khu vực giao thoa giữa giao thông thủy và giao thông bộ, gần các trục kết nối.

6. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Phát triển hệ thống giao thông trục chính và giao thông nông thôn trong và giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với các địa phương khác trong Tỉnh. Phát triển hạ tầng thương mại và tổ chức xúc tiến thương mại, kết nối, quảng bá các sản phẩm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư và chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Triển khai việc ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, các vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa gắn trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đào tạo nghề và giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đối với lao động là người dân tộc thiểu số, thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp các trình độ đào tạo nghề.

7. Phương án phát triển khu quân sự, khu an ninh

Xây dựng khu quân sự, khu an ninh bảo đảm thế trận quốc phòng trong khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, các khu vực sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội từng khu vực, địa phương trên địa bàn Tỉnh.

Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quản lý chặt chẽ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng; thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng đất quốc phòng; quản lý và bảo vệ các công trình quốc phòng.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Huy động các nguồn lực để ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông kết nối đồng bộ, hiện đại với các tỉnh trong khu vực và cả nước tạo điều kiện liên kết, hợp tác, thúc đẩy giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội. Kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và cảng hàng không, cảng biển. Tập trung đầu tư hoàn thiện đoạn tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông để kết nối toàn bộ các địa phương trong vùng, đầu tư hoàn thiện hệ thống đường tỉnh, huyện và hệ thống giao thông nông thôn.

a) Phương án phát triển và kết nối mạng lưới giao thông quốc gia

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng đảm bảo theo tiêu chuẩn các tuyến quốc lộ (QL.1D, QL.25, QL.29, QL.19C, Đường Trường Sơn Đông và QL.19E nối với Gia Lai, tuyến đường bộ ven biển), cao tốc (CT.01, CT.23); đường sắt, đường thủy: Thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hạ tầng cảng hàng không: Đầu tư, nâng cấp cảng hàng không Tuy Hòa đạt tiêu chuẩn cảng hàng không quốc nội 4C phục vụ 3 triệu hành khách/năm; báo cáo cấp có thẩm quyền phương án đầu tư nâng cấp, mở rộng, bảo đảm phục vụ 5 triệu hành khách/năm khi có nhu cầu.

- Hạ tầng cảng biển: Cảng biển Phú Yên thuộc nhóm cảng biển loại 3 bao gồm Khu bến Vũng Rô và Khu bến Bãi Gốc - Đông Hòa: Thực hiện theo quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Hạ tầng đường sắt: Cải tạo, nâng cấp ga Tuy Hòa (Thành phố Tuy Hòa); ga Phú Hiệp (thị xã Đông Hòa). Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, đầu tư xây dựng tuyến đường sắt kết nối Phú Yên với các tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh của Campuchia và Lào khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định và huy động được nguồn lực.

b) Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh

- Đường bộ: Nâng cấp, xây dựng hệ thống đường tỉnh kết nối các tuyến đường cao tốc, đường Quốc lộ đến các khu kinh tế, khu du lịch, dịch vụ trọng điểm, đường vào khu, cụm công nghiệp tạo nên mạng lưới đường bộ hoàn chỉnh, liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa đô thị và nông thôn, đạt tối thiểu cấp III - IV, quy mô 2 - 4 làn xe.

- Các tuyến đường bộ ven biển: Hình thành trên cơ sở tận dụng tối đa các tuyến đường hiện có, kết hợp xây dựng mới, quy mô tối thiểu cấp III - IV và đường đô thị, 2 - 6 làn xe.

- Phát triển mạng lưới đường đô thị và đường huyện: Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư các tuyến đường huyện, đường xã và giao thông nông thôn phù hợp với quy hoạch; Hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn, 100% đường huyện, đường xã được vào cấp kỹ thuật, giải quyết 100% các thôn, buôn trên địa bàn tỉnh không bị cô lập về giao thông.

- Xây dựng đường gom, điểm đấu nối giao thông vào các tuyến Quốc lộ đảm bảo kết nối thuận lợi với mạng lưới giao thông các khu vực phát triển kinh tế và liên tỉnh, liên vùng.

- Xây dựng các trạm dừng nghỉ, bãi đỗ xe; duy trì, nâng cấp các bến xe hiện có và xây dựng mới các bến xe đạt từ loại 3 trở lên.

- Đường thủy nội địa: Hình thành và phát triển các tuyến vận tải thủy từ bờ biển ra các đảo, các khu vực; phát triển các bến, cảng thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa.

- Hệ thống cảng biển: Tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển, khai thác cảng biển; tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển đạt nhóm cảng biển số 3, gồm: Khu bến Vũng Rô, Khu bến Bãi Gốc - Đông Hòa; duy trì, nâng cấp, cải tạo hệ thống cảng cá, khu neo đậu chuyển tải, tránh, trú bão tại vịnh Xuân Đài, vịnh Vũng Rô và các khu vực khác bảo đảm đạt điều kiện theo quy định; đầu tư mới các bến tàu, cầu phao nổi tại các địa phương ven biển để phục vụ phát triển du lịch.

(Chi tiết Phụ lục V kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển mạng lưới cấp điện gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, phù hợp với Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phấn đấu đến năm 2050, tỉnh Phú Yên trở thành một trong những trung tâm điện - năng lượng của vùng, điện năng trở thành ngành kinh tế quan trọng của Tỉnh.

Nghiên cứu và phát triển các dự án tiềm năng gồm các dự án thủy điện, điện mặt trời, điện gió trên bờ và ngoài khơi, điện sinh khối, các nhà máy điện rác...

Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây truyền tải 500kV, 220kV và 110kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn

điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải, đặc biệt là tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị mới; từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung, hạ thế hiện có tại các khu vực trung tâm thị xã, thành phố.

(Chi tiết Phụ lục VI kèm theo)

3. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

Căn cứ đặc điểm tự nhiên, hiện trạng, định hướng sử dụng đất, phương án phát triển thủy lợi và phòng chống thiên tai của vùng, thủy lợi tỉnh Phú Yên được phân chia ra thành 03 vùng:

- Vùng Sông Ba (hạ lưu vực Sông Ba và sông Bàn Thạch): Gồm diện tích lưu vực Sông Ba thuộc tỉnh Phú Yên, nằm trên địa phận của thành phố Tuy Hòa, thị xã Đông Hòa, huyện Sông Hinh, huyện Phú Hòa, huyện Tây Hòa và một phần của huyện Sơn Hòa, huyện Tuy An.

- Vùng sông Kỳ Lộ (lưu vực sông Kỳ Lộ): Gồm diện tích lưu vực sông Kỳ Lộ thuộc tỉnh Phú Yên, nằm trên địa bàn hành chính của huyện Sơn Hòa, Đồng Xuân, Tuy An, thị xã Sông Cầu và một phần huyện Phú Hòa và thành phố Tuy Hòa.

- Vùng Sông Cầu và các sông nhỏ phía Bắc (lưu vực Sông Cầu): Gồm diện tích lưu vực Sông Cầu và các sông suối nhỏ phía Bắc tỉnh Phú Yên, nằm trên địa bàn thị xã Sông Cầu.

Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, linh hoạt, bảo đảm an ninh nguồn nước, cấp, thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế và bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Đầu tư nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới các công trình thủy lợi (hồ chứa, trạm bơm, đập dâng, kênh tưới, đê/kè...) trên các vùng thủy lợi đảm bảo hệ thống thủy lợi khép kín, chủ động kiểm soát mặn, ngọt, tiêu thoát nước, chuyển nước liên vùng. Đến năm 2030, phát triển hệ thống thủy lợi đồng bộ, từng bước hiện đại, bảo đảm chủ động phục vụ sản xuất, dân sinh, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp đa dạng, bền vững tại các tiểu vùng sinh thái, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

Vùng chức năng nguồn nước được chia thành 03 vùng: Vùng ven biển; Vùng trung du, đồng bằng; Vùng văn hóa di sản miền núi.

Thiết lập hệ thống kiểm soát, quan trắc, cảnh báo chất lượng nguồn nước; đầu tư phát triển các công trình cấp nước tập trung ở các khu vực nông thôn; phát triển mạng lưới cấp nước liên xã.

Về cấp nước đô thị: Phát triển hệ thống cấp nước đồng bộ, hiện đại, đáp ứng các nhu cầu của phát triển kinh tế, xã hội và phục vụ đời sống của Nhân dân. Đảm bảo chất lượng nước cấp tại vòi và độ ổn định dịch vụ tại vòi (ổn định về thời gian 24/24, ổn định áp suất nước), hiệu quả và tiết kiệm. Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch đến 2025 khoảng 110.500 m^3/ngày đêm, đến năm 2030 là khoảng 201.000 m^3/ngày đêm.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

c) Phương án phát triển hệ thống thoát nước mặt

- Nước thải sinh hoạt khu vực đô thị: Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa đạt quy chuẩn môi trường theo quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sinh hoạt khu vực nông thôn: Khuyến khích và hướng dẫn người dân sử dụng hố xí tự hoại ở các khu vực đô thị và xí thấm ở các vùng nông thôn; nước thải sinh hoạt tại các đô thị và các cụm dân cư nông thôn sẽ được xử lý bằng phương pháp tự làm sạch.

- Nước thải khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Xây dựng, vận hành các nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải; nước thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề phải được xử lý sơ bộ trước khi đấu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung theo đúng quy định. Nâng cấp, xây dựng mới các trạm xử lý nước thải công nghiệp phù hợp với Quy hoạch chung Khu kinh tế Nam Phú Yên.

4. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

a) Xử lý chất thải rắn

- Với chất thải rắn sinh hoạt: Ưu tiên nâng cấp, cải tạo và mở rộng các cơ sở xử lý chất thải rắn hiện hữu; xây dựng các cơ sở mới chỉ áp dụng cho trường hợp cơ sở xử lý cũ đã lấp đầy, hết quỹ đất để mở rộng và đáp ứng yêu cầu cấp thiết cho việc xử lý chất thải rắn trong tương lai. Đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn được xử lý bằng các công nghệ khác (tái chế, tái sử dụng, chế biến phân hữu cơ,...) đạt 70 - 80%.

- Với chất thải rắn công nghiệp: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và xử lý tập trung cùng với chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn nguy hại được thu gom xử lý tại các cơ sở có chức năng xử lý chất thải rắn nguy hại. Nghiên cứu đầu tư xây dựng mới khu xử lý chất thải rắn nguy hại có tính chất liên vùng.

b) Xử lý chất thải y tế

Triển khai đầu tư hoàn thiện hạ tầng xử lý chất thải cho các cơ sở y tế, trung tâm y tế trên địa bàn Tỉnh, bao gồm xây dựng hệ thống xử lý nước thải và bổ sung thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại với công nghệ mới, thân thiện với môi trường (thiết bị vi sóng, thiết bị hấp áp lực thấp...).

c) Các nhà máy xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng tại các khu vực đô thị. Xây dựng, nâng cấp các nhà máy xử lý nước thải tại các đô thị.

- Nước thải công nghiệp: Xây dựng, vận hành các nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; nước thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề phải được xử lý sơ bộ trước khi đấu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung theo đúng quy định. Nâng cấp, xây dựng mới các trạm xử lý nước thải công nghiệp Khu Kinh tế Nam Phú Yên (phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch chung KKT Nam Phú Yên).

- Khu vực nông thôn: Thực hiện theo đồ án quy hoạch nông thôn mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khuyến khích xây dựng mạng lưới thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

5. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường.

- Phát triển mạnh mẽ các loại hình thông tin báo chí, chú trọng phát triển các loại hình thông tin điện tử; ứng dụng công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong thu thập và xử lý thông tin, sản xuất chương trình; tăng cường quản lý truyền thông trên nền tảng số.

- Phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông, nâng cao chất lượng mạng di động băng tần rộng phủ sóng 100% dân số, kết hợp đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng ngầm, ngầm hóa hạ tầng ngoại vi.

- Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, Internet kết nối vạn vật (IoT) liên thông, đồng bộ, hiện đại nhằm phục vụ chuyển đổi số toàn diện, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số; xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu theo công nghệ điện toán đám mây, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung, tạo nền tảng cho phát triển chính quyền điện tử đồng bộ theo khung kiến trúc Chính phủ điện tử quốc gia.

- Phát triển bưu chính theo hướng dịch vụ số; khai thác và ứng dụng hiệu quả nền tảng mã địa chỉ gắn với bản đồ số (Vpostcode). Phát triển ngành báo chí, truyền thông theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ phát triển bền vững trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ.

(Chi tiết Phụ lục X kèm theo)

6. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; bố trí quỹ đất trong giai đoạn 2021 - 2030 bảo đảm mỗi huyện, thị xã, thành phố có đủ số lượng đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo quy định. Phát triển hệ thống mạng lưới giao thông hướng tới mục tiêu đảm bảo các phương tiện phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tiếp cận được 100% trung tâm thôn, xóm (khu vực nông thôn) và lõi khu dân cư (khu vực thành thị), các cơ sở, khu vực có nguy cơ cháy nổ cao. Phát triển mạng lưới hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt kết hợp với cấp nước chữa cháy. Xây dựng hệ thống thông tin chỉ huy, điều hành về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ kết nối đồng bộ với Trung tâm thông tin chỉ huy, điều hành về giao thông, an ninh trật tự của lực lượng Công an tỉnh.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

Rà soát, điều chỉnh và đầu tư, nâng cấp mạng lưới, quy mô cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên biệt các cấp theo hướng hiện đại, phù hợp tình hình thực tiễn và nhu cầu của địa phương. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất của trường học; đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu thực tế và bảo đảm khả năng tiếp cận giáo dục cho học sinh. Đầu

tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục, đặc biệt là các huyện miền núi, xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa. Đảm bảo quỹ đất cho việc mở rộng, xây mới hạ tầng giáo dục các cấp học theo tiêu chuẩn quốc gia. Ưu tiên thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục ngoài công lập, nhất là cơ sở đạt chuẩn quốc tế.

Cải tạo cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp. Nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Phú Yên, Đại học xây dựng Miền Trung, Học viện Ngân hàng - Phân viện Phú Yên.

(Chi tiết tại Phụ lục XI đính kèm)

2. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng và chuyển giao công nghệ nhằm tăng tiềm lực và nâng cao năng lực cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn Tỉnh. Huy động nguồn lực ngoài nhà nước để phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ. Đầu tư không gian đổi mới sáng tạo trên cơ sở vật chất đang có; ưu tiên kêu gọi đầu tư Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Phú Yên trên địa bàn thành phố Tuy Hòa. Phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn Tỉnh.

3. Phương án phát triển hạ tầng y tế

Phát triển đồng bộ mạng lưới và cơ sở hạ tầng phục vụ công tác khám, chữa bệnh và y tế dự phòng. Đến năm 2030, hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên dự kiến gồm khoảng 10 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa công lập, 09 trung tâm y tế huyện đa chức năng, 100% xã có trạm y tế, đảm bảo 100% trạm y tế xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân trên cơ sở phù hợp với các quy hoạch có liên quan; trong đó ưu tiên kêu gọi đầu tư xây dựng các bệnh viện cung cấp dịch vụ chất lượng cao.

(Chi tiết tại Phụ lục XII đính kèm)

4. Phương án phát triển hạ tầng các cơ sở trợ giúp xã hội, nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng

Đầu tư cải tạo, nâng cấp Trung tâm bảo trợ xã hội Tỉnh và các Cơ sở cai nghiện ma tuý và trợ giúp xã hội. Củng cố, nâng cấp hệ thống cơ sở bảo trợ xã hội, phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng; khuyến

khích sự tham gia của khu vực tư nhân, doanh nghiệp vào triển khai các hoạt động bảo trợ xã hội, trẻ em mồ côi, người khuyết tật; phát triển các mô hình chăm sóc người cao tuổi. Ưu tiên thu hút đầu tư xây dựng các cơ sở dịch vụ như Viện dưỡng lão.

5. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

Bảo vệ, khai thác có hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa; quan tâm đầu tư xây dựng, tôn tạo các công trình văn hóa, thể thao cấp tỉnh đạt chuẩn. Nghiên cứu, thành lập Công viên địa chất Phú Yên theo quy định hiện hành; đầu tư Hoàn thiện Bảo tàng Tỉnh, phấn đấu đến năm 2030 đạt tiêu chuẩn Bảo tàng hạng 2 gắn với khai thác du lịch; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động, số hóa của thư viện.

Đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp trên địa bàn Tỉnh gồm: Nhà văn hóa Diên Hồng; nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa, Trung tâm Văn hóa - Thể thao các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo đạt chuẩn về diện tích, quy mô theo quy định.

Ưu tiên bố trí quỹ đất và thu hút các nguồn lực xã hội hóa xây dựng, nâng cấp mở rộng một số công trình văn hóa và thể thao. Đến năm 2030, tất cả huyện, thị xã, thành phố đầu tư hoàn chỉnh cơ bản 3 công trình thể thao cấp huyện. Ưu tiên thu hút đầu tư Trung tâm văn hóa triển lãm, Trung tâm Hội nghị - hội thảo tỉnh Phú Yên.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

6. Phương án phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ

a) Hạ tầng thương mại, dịch vụ

Khu vực đô thị: Chú trọng phát triển trung tâm thương mại, siêu thị; các cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng tổng hợp; phát triển các đường phố thương mại.

Khu vực nông thôn: Nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới các loại hình chợ bán lẻ song song với phát triển mạng lưới cửa hàng tiện lợi, cửa hàng tạp hóa, siêu thị mini. Lấy chợ làm hạt nhân để tổ chức các hoạt động thương mại - dịch vụ.

Dành quỹ đất để thu hút các nhà đầu tư xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị tại các trung tâm kinh tế, nhất là đô thị lớn của Tỉnh. Đầu tư nâng cấp các hạ tầng thương mại tại các huyện, thị xã và thành phố của Tỉnh.

b) Hạ tầng logistics

Phát triển các trung tâm logistics gắn với cảng hàng không Tuy Hòa, bến cảng Vũng Rô, bến cảng nước sâu Bãi Gốc và cảng cạn ICD Đông Hòa; hình thành các các trung tâm logistics gắn với các đô thị lớn của Tỉnh và các khu công nghiệp

trên địa bàn; tập trung xây dựng các cơ sở hạ tầng hỗ trợ vận tải đa phương thức như ga hàng hóa cho xe lửa và hệ thống đường dẫn, đường kết nối với cao tốc Bắc - Nam... Đến năm 2030, phát triển (1) Trung tâm logistics tại Đông Hòa và cảng cạn (ICD) phục vụ bến cảng Vũng Rô và bến cảng bãi Gốc; (2) Trung tâm logistics phía Tây thành phố Tuy Hòa (trạm trung chuyển); (3) Trung tâm logistics Sông Cầu gắn với các khu công nghiệp Sông Cầu.

c) Hạ tầng xăng dầu, khí đốt

Tiếp tục duy trì và đầu tư mở rộng các kho xăng dầu, khí đốt hiện có trên địa bàn Tỉnh; trong đó nâng cấp, mở rộng kho xăng dầu Vũng Rô. Thu hút đầu tư, xây dựng hệ thống kho xăng dầu, khí đốt, các khu bồn, bể chứa cung cấp cho các khu công nghiệp, khu kinh tế Nam Phú Yên và các tỉnh khu vực Tây Nguyên.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Đảm bảo việc sử dụng đất có hiệu quả, tiết kiệm; đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai; tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của Tỉnh. Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã phân bổ cho tỉnh Phú Yên.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng các vùng liên huyện

a) Vùng liên huyện phía Đông (ven biển) gồm thành phố Tuy Hòa (dự kiến mở rộng về phía Nam), thành phố Sông Cầu (dự kiến) và thị xã Tuy An (dự kiến). Thành phố Tuy Hòa là trung tâm hành chính, nơi tập trung dân cư mật độ cao của toàn tỉnh và là trung tâm kinh tế, giao thương, văn hóa chính trị của toàn tỉnh. Thị xã Sông Cầu và huyện Tuy An là đô thị du lịch nên mật độ dân số cư trú thấp.

b) Vùng liên huyện phía Tây gồm huyện Đồng Xuân, huyện Sơn Hòa và huyện Sông Hinh. Tập trung xây dựng các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu, chăn nuôi đại gia súc, công nghiệp chế biến nông lâm sản; phát triển kinh tế trang trại; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp sản xuất vườn đồi, vườn rừng với quy mô thích hợp. Phát triển mạnh du lịch miền núi gắn liền với văn hóa các dân tộc, cảnh quan thiên nhiên.

c) Vùng liên huyện bán sơn địa gồm huyện Phú Hòa và huyện Tây Hòa. Vùng này tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành vùng chuyên canh sản xuất lớn gắn với vùng nguyên liệu phục vụ chế biến nông sản; phát triển công nghiệp nhất là chế biến nông lâm sản; phát triển dịch vụ du lịch sinh thái.

2. Phương án quy hoạch xây dựng các vùng huyện

a) Vùng huyện Sông Hinh: Là cửa ngõ giao lưu, kết nối với tỉnh Đắk Lắk, là trung tâm phát triển thương mại dịch vụ; từng bước hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hướng vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, tạo ra sản phẩm có chất lượng; phát triển các vùng nguyên liệu gắn với nhà máy chế biến; phát triển mô hình du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng…

b) Vùng huyện Sơn Hòa: Là cửa ngõ giao lưu, kết nối với tỉnh Gia Lai; xây dựng và phát triển huyện trở thành trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; phát triển du lịch theo hướng du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch tâm linh gắn với tôn tạo, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, phát triển du lịch cộng đồng; phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm nông sản đặc trưng của huyện để nâng cao giá trị sản phẩm.

c) Vùng huyện Đồng Xuân: Là vùng phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung các sản phẩm có chất lượng và giá trị kinh tế cao; phát triển công nghiệp gắn với nông nghiệp nhất là việc quy hoạch vùng nguyên liệu và tiểu thủ công nghiệp; đẩy mạnh trồng rừng, phát triển kinh tế rừng nhằm cải thiện năng suất, tăng sản lượng khai thác gỗ rừng trồng; phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng là thế mạnh của huyện, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch gắn với di tích lịch văn hóa như: Khu du lịch suối nước nóng thôn Triêm Đức - xã Xuân Quang 2; Khu du lịch sinh thái Suối Chình - xã Xuân Sơn Bắc; khu du lịch sinh thái, văn hóa Xí Thoại - xã Xuân Lãnh…

d) Vùng huyện Tây Hòa: Là vùng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng và hình thành các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu cây hàng năm và cây ăn quả cho công nghiệp chế biến; phát triển công nghiệp theo hướng thân thiện môi trường, thu hút phát triển công nghiệp chế biến và các ngành công nghiệp phù hợp với lợi thế của địa phương; phát triển các loại hình du lịch tận dụng lợi thế sẵn có của địa phương như: Suối nước khoáng Lạc Sanh tại thôn Bình Thắng, xã Sơn Thành Đông; Suối Lạnh tại xã Hòa Thịnh; Hồ Hóc Răm tại xã Hòa Tân Tây…

đ) Vùng huyện Tuy An: Là vùng phát triển kinh tế biển, tập trung phát triển mạnh ngành thủy sản, coi đây là ngành mũi nhọn và là khâu đột phá để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, trong đó trọng tâm là nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy hải sản, trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá; phát triển du lịch biển đảo, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch thể thao, du lịch cộng đồng lấy du lịch văn hóa và du lịch biển đảo làm mũi nhọn; kết hợp hình thành và phát triển một số loại hình du lịch chuyên đề; phát triển sản phẩm du lịch theo hướng xanh, sạch, bền vững và chất lượng; hình thành các tuyến đường giao thông đến các điểm di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh du lịch, trong đó chú trọng các khu vực đầm Ô Loan, gành Đá Đĩa, Gò Thì Thùng, Hòn Yến...

e) Vùng huyện Phú Hòa: Là vùng phát triển sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hàng hóa và du lịch văn hóa, sinh thái dựa trên những lợi thế tự nhiên của huyện; phát triển công nghiệp theo mô hình kết hợp mô hình tập trung (các KCN, CCN) và phân tán với hình thức sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề hộ gia đình; phát triển các loại hình du lịch tận dụng lợi thế sẵn có của địa phương như: Du lịch lịch sử, văn hóa: Thành Hồ, Văn Miếu Tuy Hòa, di tích Núi Sầm, Mộ & Đền thờ Lương Văn Chánh; Du lịch sinh thái, nhân văn: Khoáng Phú Sen, Đập Đồng Cam, Gành đá Hòa Thắng, làng nghề truyền thống; Du lịch trải nghiệm cộng đồng: cộng đồng Chăm H'roi buôn Hố Hầm, cộng đồng dân cư nông thôn…

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phương án phân vùng bảo vệ môi trường

- Vùng hạn chế phát thải: Vùng đệm của khu vực bảo vệ nghiêm ngặt; Khu dân cư tập trung ở đô thị (bao gồm cả nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị); Vùng đất ngập nước quan trọng; Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; Khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng bảo vệ khác: Các vùng còn lại trên địa bàn Tỉnh.

b) Phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về hiện trạng và quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Phú Yên, làm cơ sở phân chia các vùng sinh thái, các khu bảo tồn và hành lang đa dạng sinh học góp phần vào việc quy hoạch bảo tồn tổng thể cả nước.

Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái phong phú trên địa bàn Tỉnh nhằm bảo vệ sức khỏe Nhân dân, bảo vệ môi trường và giá trị đa dạng sinh học.

Ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; tiếp tục bảo tồn, gìn giữ, phục hồi các hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên; nâng cao độ che phủ rừng, ngăn chặn suy giảm chất lượng rừng; bảo vệ các giống loài, nguồn gen và bảo đảm an toàn sinh học.

Xây dựng, phát triển và tổ chức quản lý hiệu quả các khu bảo tồn thiên nhiên, các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

c) Phương án quan trắc chất lượng môi trường

Phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc cho từng loại môi trường; đến năm 2030, toàn tỉnh có trên 507 vị trí quan trắc: Môi trường đất, nước dưới đất, nước mặt lục địa, trầm tích, nước biển ven bờ và chất lượng không khí.

d) Phương án quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững

Bảo vệ và phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Tập trung nâng cao chất lượng rừng. Phát triển hệ thống rừng, vườn cây phòng hộ môi trường, cảnh quan cho các đô thị, khu công nghiệp và khu du lịch. Tăng cường duy trì chất lượng rừng phòng hộ ven biển đạt chất lượng ở mức cao nhất nhằm hạn chế sạt lở bờ sông, bờ biển.

đ) Phương án sắp xếp, phân bố không gian các khu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ

Xây dựng các nghĩa trang cấp tỉnh với công nghệ an táng tổng hợp (chôn cất một lần, cát táng và hỏa táng). Mỗi huyện xây dựng nghĩa trang riêng. Di dời nghĩa trang nhỏ lẻ, mộ rải rác về các nghĩa trang tập trung; cải tạo, chỉnh trang bổ sung cây xanh, cảnh quan, xử lý môi trường, chuyển thành mô hình công viên tưởng niệm đối với những nghĩa trang, nghĩa địa không thể di dời. Xây dựng cơ sở hỏa táng tại các nghĩa trang cấp tỉnh. Mỗi đơn vị hành chính cấp huyện xây dựng ít nhất 01 nhà tang lễ.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

a) Khu vực cấm hoạt động khai thác khoáng sản

Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn Tỉnh thực hiện theo các quyết định được phê duyệt và quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện, căn cứ các quy định hiện hành và thực tiễn của địa phương để rà soát, cập nhật, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh cho phù hợp.

b) Phương án thăm dò, khai thác chế biến khoáng sản

Thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng hiệu quả các khoáng sản hiện có trên địa bàn Tỉnh theo quy định và quy hoạch ngành quốc gia liên quan đến khoáng sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tận dụng tối đa nguồn đất, đá thải mỏ làm vật liệu san lấp mặt bằng các dự án phát triển hạ tầng đô thị, giảm áp lực lên các bãi thải mỏ.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân vùng tài nguyên nước

Tài nguyên nước tỉnh Phú Yên được phân thành 03 vùng chính theo các lưu vực sông:

- Vùng lưu vực sông Ba: Gồm diện tích lưu vực sông Ba thuộc tỉnh Phú Yên, nằm trên địa phận của thành phố Tuy Hòa, thị xã Đông Hòa, huyện Sông Hinh, huyện Phú Hòa, huyện Tây Hòa và một phần của huyện Sơn Hòa, huyện Tuy An.

- Vùng lưu vực sông Kỳ Lộ: Gồm diện tích lưu vực sông Kỳ Lộ thuộc tỉnh Phú Yên, nằm trên địa bàn hành chính của huyện Sơn Hòa, Đồng Xuân, Tuy An, thị xã Sông Cầu và một phần huyện Phú Hòa, thành phố Tuy Hòa.

- Vùng lưu vực sông Cầu: Gồm diện tích lưu vực Sông Cầu và các sông suối nhỏ phía Bắc tỉnh Phú Yên, nằm trên địa bàn thị xã Sông Cầu.

b) Phân bổ tài nguyên nước

Phân bổ nguồn nước phải đảm bảo tính bền vững, dựa cơ sở trên kết quả đánh giá tương quan giữa nhu cầu khai thác sử dụng nước và khả năng đáp ứng của nguồn nước:

- Phân bổ nguồn nước đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt, công nghiệp cấp 90%; du lịch, dịch vụ 85% nhu cầu nước trong trường hợp hạn hán thiếu nước. Nguồn nước ưu tiên sử dụng là nguồn nước mặt khai thác tại các hệ thống sông chính và các hồ chứa thuộc các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Nguồn nước dự phòng dành cho cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, du lịch, dịch vụ và chăn nuôi trong điều kiện hạn hán thiếu nước là nguồn nước dưới đất.

- Phân bổ theo nhu cầu tối thiểu của từng đối tượng sử dụng nước nông nghiệp tùy theo từng phân vùng cụ thể, đặc biệt xem xét ưu tiên sử dụng nước cho vườn cây ăn quả, rau màu, nuôi trồng thủy sản nước ngọt, lúa, một số vùng mía nguyên liệu cho nhà máy đường.

c) Bảo vệ tài nguyên nước

Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất; đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên các hệ thống sông; phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, xây dựng mạng quan trắc, giám sát khai thác và sử dụng tài nguyên nước; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất, hạn chế khai thác các tầng chứa nước có nguy cơ xâm nhập mặn, lượng khai thác không vượt qua ngưỡng giới hạn trữ lượng tiềm năng.

d) Phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra

Tiếp tục đầu tư, xây dựng các công trình thủy lợi, đê điều, cấp nước nhằm đảm bảo nguồn nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Đầu tư hệ thống công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại các vị trí xung yếu. Xây dựng kế hoạch quan trắc, dự báo, thông báo kịp thời triều cường, nước biển dâng trong phạm vi của Tỉnh; phát triển rừng phòng hộ chắn sóng để phòng, chống xâm nhập mặn và nước biển dâng; rà soát những diện tích có khả năng thiếu nước để chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp.

Kết hợp giữa biện pháp công trình và phi công trình nhằm nâng cao hiệu quả trong phòng, chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn

Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn Tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai:

- Khu vực dễ bị ảnh hưởng cao bởi triều cường, bão, áp thấp nhiệt đới là các xã ven biển, cửa sông thuộc thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu, thị xã Đông Hòa, huyện Tuy An và các xã nằm dọc sông Ba.

- Các xã nằm dọc Sông Ba, Sông Cái và hạ lưu Sông Ba là khu vực dễ bị ảnh hưởng do lũ lụt trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Các xã thuộc các khu vực miền núi ven các hệ thống sông, hồ trên địa tỉnh là khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng do lũ quét.

- Khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước, lốc, sét thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn Tỉnh.

b) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân; tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái. Tăng cường cơ sở vật chất, đào tạo nâng cao năng lực lượng chuyên môn trong công tác tìm kiếm, cứu hộ cứu nạn; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng và kịp thời cho công tác dự báo, cảnh báo; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu; tổ chức thường xuyên diễn tập phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

Củng cố hệ thống đê sông, đê biển, hồ chứa nước, các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu của hệ thống cơ sở hạ tầng. Thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn Tỉnh.

Lập bản đồ rủi ro khí hậu, bản đồ mức độ phơi bày trước hiểm họa và tính dễ bị tổn thương và các biện pháp thích ứng; nâng cao năng lực dự báo và các hệ thống cảnh báo sớm; tăng cường mạng lưới bảo trợ xã hội và chăm sóc xã hội đối với các nhóm dễ bị tổn thương; xây dựng kế hoạch quản lý tài nguyên nước trong lưu vực sông và các khu vực trọng điểm; tăng cường nhận thức cộng đồng, nâng cao năng lực, kế hoạch địa phương; tăng cường các chương trình tái định cư, giảm mức độ phơi bày trước hiểm họa và tính dễ bị tổn thương; tăng cường phát triển lâm nghiệp, bao gồm bảo tồn, phục hồi và tái trồng rừng ngập mặn.

c) Phát triển hạ tầng phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu

Đầu tư mới và nâng cấp, mở rộng các tuyến đê/kè dọc hai bên các tuyến sông trên địa bàn Tỉnh, nhất là các khu vực có nguy cơ sạt lở ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân; các hạ lưu khu vực sông kết hợp với chỉnh trang đô thị; tiếp tục củng cố hệ thống đê/kè biển, các mỏ hàn để chủ động ứng phó với nước biển dâng khu vực ven biển.

X. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

XI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút vốn đầu tư

Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Tỉnh và Trung ương. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các dự án quan trọng, cấp bách, có tính đột phá và sức lan tỏa. Xã hội hóa, đa dạng các hình thức đầu tư nhằm huy động, sử dụng hiệu quả nguồn vốn của các thành phần kinh tế đặc biệt với các dự án trong nhóm trụ cột phát triển của Tỉnh.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành thu, chi ngân sách và đầu tư công. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản công nhất là nguồn vốn khai thác từ quỹ đất. Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách, tăng tỷ trọng các nguồn thu bền vững; thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng thu ngân sách, chống thất thu thuế; triển khai rộng rãi hóa đơn điện tử.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính gắn với xây dựng chính quyền số, xã hội số; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư theo phương thức hợp tác công - tư (PPP) trong phát triển hạ tầng chiến lược, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông.

Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách đột phá để thu hút các nhà đầu tư chiến lược có khả năng dẫn dắt, hình thành hệ sinh thái các ngành kinh tế trọng điểm, tạo động lực lan tỏa thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp khác.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; tập trung nhân lực thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như dự án luyện kim; lọc, hóa dầu; sản xuất năng lượng…và phát triển hệ thống đô thị ven biển xanh, thân thiện môi trường.

Tăng cường công tác đào tạo dài hạn, đào tạo chính quy tại Đại học Phú Yên và giáo dục nghề nghiệp tại các trường cao đẳng đảm bảo nguồn lao động có chất lượng đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật đa dạng. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng các yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục theo hướng thu hút đầu tư, đóng góp của doanh nghiệp và cộng đồng vào giáo dục, đào tạo nghề ngắn hạn và đào tạo dài hạn.

3. Giải pháp về bảo vệ môi trường, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Thể chế hóa kịp thời và tổ chức thực hiện nghiêm các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường. Phát triển các nguồn năng lượng sạch, khuyến khích các cơ sở sản xuất đổi mới công nghệ thân thiện với môi trường. Ưu tiên và có cơ chế để thực hiện xã hội hóa, kêu gọi đầu tư, hỗ trợ cho việc phát triển các công nghệ xử lý, tái chế chất thải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Thu hút đầu tư có chọn lọc các dự án thân thiện với môi trường; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển khoa học công nghệ, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; nghiên cứu ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Ưu tiên bố trí ngân sách cho nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; phấn đấu đạt mức 2% tổng chi ngân sách tại địa phương để bảo đảm đủ nguồn lực phát huy hiệu quả vai trò của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Triển khai quyết liệt, hiệu quả các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; tập trung xây dựng thành công chính quyền điện tử, thành phố thông minh.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Nghiên cứu, ban hành một số chính sách, quy định liên kết, hợp tác với các tỉnh vùng duyên hải Trung Bộ, khu vực Tây Nguyên, thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; chính sách vùng động lực để tạo cơ chế đặc thù trong thu hút

đầu tư đối với các vùng là động lực, trung tâm thúc đẩy phát triển của Tỉnh, của vùng và sự liên kết giữa vùng động lực với các vùng phụ trợ; chính sách, hỗ trợ đầu tư kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật điện, nước, viễn thông... đối với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp…

Tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác mới với các tỉnh, thành phố của các nước có nhiều điểm tương đồng với Phú Yên, có tiềm năng, thế mạnh trong việc hợp tác phát triển kinh tế, chuyển giao công nghệ, giao lưu văn hóa; quan tâm mở rộng hợp tác quốc tế, xúc tiến thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác, địa phương nước ngoài, trước hết là quan hệ hợp tác hữu nghị ở cấp địa phương với một số địa phương của Nhật Bản, Hàn Quốc và ASEAN.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển các khu vực chức năng, phát triển đô thị và nông thôn

Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi đất nông nghiệp hiện có sang đất phi nông nghiệp để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị và nhu cầu tăng trưởng kinh tế cho xã hội. Kết hợp chặt chẽ quá trình đô thị hóa nông thôn và xây dựng nông thôn mới; ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, tăng cường xã hội hóa đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng.

Quản lý giám sát chặt chẽ đảm bảo việc xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, kết nối mạng lưới hạ tầng chung của địa phương và các vùng phụ cận.

Đầu tư xây dựng, tích hợp và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung, thống nhất. Thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

Đầu tư phát triển hệ thống đô thị sinh thái, đô thị xanh, đô thị thông minh. Xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị ở các khu vực trung tâm, khu đô thị mới. Tổ chức thực hiện tốt việc định hướng phân khu chức năng ở các khu vực đô thị và nông thôn để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và giám sát việc thực hiện.

6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Tổ chức công bố công khai quy hoạch, tạo sự đồng thuận, nhất quán trong triển khai thực hiện. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế, các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên thực hiện của địa phương với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật.

Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hằng năm. Đổi mới công tác tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và thông lệ quốc tế. Bố trí bộ máy lãnh đạo tâm huyết, cán bộ đủ năng lực để triển khai thực hiện quy hoạch đạt hiệu quả.

XII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở, căn cứ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn Tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Rà soát, Hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Phú Yên.

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, rà soát điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Quy hoạch.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, đề án, chương trình phù hợp với yêu cầu phát triển tỉnh Phú Yên và quy định pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội và quy định có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn Tỉnh, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và Danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch có liên quan (nếu có), bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động, bố trí đủ các nguồn lực thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết tại Văn bản số 7254/UBND-TH ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

5. Các bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên trong việc nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên đô thị	Hiện trạng	Giai đoạn 2021-2030	Chức năng đô thị
1	Đô thị Tuy Hòa	II	I	Đến năm 2025, thành phố Tuy Hòa đạt một số chỉ tiêu của đô thị loại I, mở rộng địa giới hành chính để tạo thuận lợi cho việc định hướng đến năm 2030 thành phố Tuy Hòa đảm bảo tiêu chí đô thị loại I. Là đô thị biển, hạt nhân, trung tâm động lực tổng hợp toàn tỉnh.
2	Đô thị Đông Hòa	IV	III	Thị xã trực thuộc tỉnh. Trung tâm tổng hợp - Trung tâm dịch vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp và dịch vụ.
3	Đô thị Sông Cầu	III	II	Thị xã lên thành phố trực thuộc tỉnh. Trung tâm tiểu vùng phía Bắc của tỉnh; đô thị vệ tinh trên hành lang ĐTH phía Đông; Trung tâm phát triển du lịch của vùng.
4	Đô thị Tuy An	V	IV	Huyện lên thị xã, trực thuộc tỉnh. Trung tâm tổng hợp - Trung tâm dịch vụ hỗ trợ phát triển du lịch và dịch vụ.
5	Đô thị La Hai	V	IV	Thị trấn huyện lỵ của huyện Đồng Xuân. Đô thị trên trục đô thị hóa hành lang phát triển phía Tây của tỉnh. Trung tâm tổng hợp cấp huyện
6	Đô thị Xuân Phước		V	Đô thị loại V, huyện Đồng Xuân

STT	Tên đô thị	Hiện trạng	Giai đoạn 2021-2030	Chức năng đô thị
7	Đô thị Xuân Lãnh		V	Đô thị loại V, huyện Đồng Xuân
8	Đô thị Hai Riêng	V	IV	Thị trấn huyện lỵ của huyện Sông Hinh; Trung tâm tổng hợp cấp huyện; Trung tâm tiểu vùng phía Tây của tỉnh kết nối phát triển trực tiếp với vùng Tây Nguyên.
9	Đô thị Tân Lập		V	Đô thị loại V, huyện Sông Hinh
10	Đô thị Củng Sơn	V	IV	Thị trấn huyện lỵ của huyện Sơn Hòa; Trung tâm tổng hợp cấp huyện; Trung tâm tiểu vùng phía Tây của tỉnh kết nối phát triển trực tiếp với vùng Tây Nguyên.
11	Đô thị Sơn Long		V	Đô thị loại V, huyện Sơn Hòa
12	Đô thị Trà Kê Sơn Hội		V	Đô thị loại V, huyện Sơn Hòa
13	Đô thị Phú Hòa	V	IV	Thị trấn huyện lỵ của huyện Phú Hòa; Trung tâm tổng hợp cấp huyện
14	Đô thị Phong Niên		V	Đô thị loại V, huyện Phú Hòa
15	Đô thị Hòa Trị		V	Đô thị loại V, huyện Phú Hòa
16	Đô thị Phú Thứ (mở rộng)	V	IV	Thị trấn huyện lỵ của huyện Tây Hòa; Trung tâm tổng hợp cấp huyện
17	Đô thị Sơn Thành Đông		V	Đô thị loại V, huyện Tây Hòa
18	Đô thị Hòa Mỹ Đông		V	Đô thị loại V, huyện Tây Hòa

Ghi chú:

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng hoặc chia tách, sáp nhập thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

- Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu công nghiệp (KCN)	Địa điểm	Diện tích dự kiến đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
I	**Các KCN thực hiện theo chỉ tiêu phân bổ tại Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ**		**1.449**	
I.1	**Các khu công nghiệp đã thành lập và đi vào hoạt động**		**430**	
1	KCN Hòa Hiệp 1	Thị xã Đông Hòa	101	*Khu công nghiệp nằm trong Khu kinh tế Nam Phú Yên*
2	KCN Hòa Hiệp 2	Thị xã Đông Hòa	73	
3	KCN An Phú	Thị xã Tuy Hòa	68	*Khu công nghiệp nằm ngoài Khu kinh tế Nam Phú Yên*
4	KCN Đông Bắc Sông cầu khu vực 1	Thị xã Sông Cầu	106	
5	KCN Đông Bắc Sông cầu khu vực 2	Thị xã Sông Cầu	82	
I.2	**Các khu công nghiệp dự kiến thành lập mới**		**1.019**	
1	KCN công nghệ cao	Thị xã Đông Hòa	252	*Khu công nghiệp nằm trong Khu kinh tế Nam Phú Yên*
2	KCN Hòa Tâm	Thị xã Đông Hòa	500	
3	KCN Hòa Xuân Tây	Thị xã Đông Hòa	67	
4	KCN Hòa Xuân Đông	Thị xã Đông Hòa	100	
5	KCN Hòa Thành	Thị xã Đông Hòa và Thành phố Tuy Hòa	100	

STT	Tên khu công nghiệp (KCN)	Địa điểm	Diện tích dự kiến đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
II	**Các KCN tiềm năng xem xét mở rộng hoặc thành lập mới khi được điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu đất KCN trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đủ điều kiện theo quy định**		**2.013**	
1	KCN Hòa Tâm	Thị xã Đông Hòa	580	*Các khu công nghiệp nằm trong Khu kinh tế Nam Phú Yên*
2	KCN Hòa Xuân Tây	Thị xã Đông Hòa	387	
3	KCN Hòa Xuân Đông	Thị xã Đông Hòa	320	
4	KCN hậu cần sân bay	Thị xã Đông Hòa	354	
5	KCN Hòa Thành	Thị xã Đông Hòa	372	

Ghi chú: Đối với các khu công nghiệp quy hoạch mới, địa điểm, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

Phụ lục III

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
A	**THỜI KỲ 2021 - 2030**		**730**	
I	**Các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động**	Huyện Sông Hinh, huyện Sơn Hòa, huyện Đồng Xuân, huyện Phú Hòa, huyện Tuy An, thị xã Sông Cầu	385	Đa ngành
II	**Các cụm công nghiệp đang triển khai thực hiện thủ tục đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật**			
	CCN Hòa Phú	Xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa	74	Đa ngành
III	**Các cụm công nghiệp thành lập mới**			
1	CCN Soi Nga	Huyện Đồng Xuân	56	Đa ngành
2	CCN Đá Mài	Huyện Tây Hòa	70	Đa ngành
3	CCN Nông Nghiệp	Huyện Tây Hòa	5	Đa ngành
4	CCN Xuân Thịnh	Thị xã Sông Cầu	70	Đa ngành
5	CCN Xuân Bình	Thị xã Sông Cầu	70	Đa ngành
B	**SAU NĂM 2030**		**560**	
1	CCN Buôn Trinh	Huyện Sông Hinh	45	Đa ngành
2	CCN Tân An	Huyện Sông Hinh	60	Đa ngành
3	CCN Tân Lập	Huyện Sông Hinh	30	Đa ngành
4	CCN Vân Hòa	Huyện Sơn Hòa	50	Đa ngành
5	CCN Kiến Thiết	Huyện Sơn Hòa	15	Đa ngành
6	CCN Phước Lộc	Huyện Đồng Xuân	25	Đa ngành
7	CCN Phong Hậu	Huyện Phú Hòa	50	Đa ngành

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
8	CCN Long Phụng	Huyện Phú Hòa	8	Đa ngành
9	CCN Tiên Châu	Huyện Tuy An	12	Đa ngành
10	CCN Phong Phú	Huyện Tuy An	35	Đa ngành
11	CCN Trung Lương	Huyện Tuy An	20	Đa ngành
12	CCN Xuân Thọ 2	Thị xã Sông Cầu	70	Đa ngành
13	CCN Xuân Phương	Thị xã Sông Cầu	70	Đa ngành
14	CCN Xuân Lộc	Thị xã Sông Cầu	70	Đa ngành
	Tổng cộng (A+B)		**1.290**	

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm thành lập.

- Đối với một số CCN dự kiến đầu tư sau năm 2030, trường hợp huy động được nguồn lực đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

Phụ lục IV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH

TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu du lịch	Địa điểm
1	Khu du lịch gành Đá Đĩa	Huyện Tuy An
2	Khu du lịch quốc gia vịnh Xuân Đài	Thị xã Sông Cầu
3	Khu du lịch nghỉ dưỡng biển Từ Nham	Thị xã Sông Cầu
4	Khu danh thắng Bãi Môn - Mũi Điện	Thị xã Đông Hòa
5	Khu Di tích lịch sử Vũng Rô - du lịch sinh thái Hòn Nưa	Thị xã Đông Hòa
6	Khu Du lịch sinh thái đầm Ô Loan	Huyện Tuy An
7	Khu Du lịch sinh thái đảo Nhất Tự Sơn	Thị xã Sông Cầu
8	Khu danh thắng Quần thể Hòn Yến - bãi Phú Thường	Huyện Tuy An
9	Khu Du lịch sinh thái núi Đá Bia	Thị xã Đông Hòa
10	Khu du lịch sinh thái Cao nguyên Vân Hòa	Huyện Sơn Hòa
11	Khu công viên văn hóa Núi Nhạn	Thành phố Tuy Hòa
12	Các khu Ẩm thực Xứ Nẫu	
13	Các khu chức năng tổng hợp sân golf	Thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu; huyện Tuy An; huyện Phú Hòa; huyện Tây Hòa; thị xã Đông Hòa; huyện Sông Hinh; huyện Đồng Xuân; huyện Sơn Hòa

Ghi chú: Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục V
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG
TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình/Dự án	Quy mô dự kiến đến năm 2030	Địa điểm		Ghi chú
			Điểm đầu	Điểm cuối	
I	**Cao tốc**				
1	Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01), đoạn Quy Nhơn (Bịnh Định) - Chí Thạnh (Phú Yên), đoạn Chí Thạnh (Phú Yên) - Vân Phong (Khánh Hòa)				Thực hiện theo quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia
2	Tuyến cao tốc Phú Yên - Đắk Lắk (CT.23)				Thực hiện theo quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia
II	**Quốc lộ**				
1	Đầu tư mở rộng các đoạn còn lại của tuyến Quốc lộ 25	Cấp III; 02 - 04 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Phú Hòa	Huyện Sơn Hòa	
2	Đầu tư mở rộng tuyến Quốc lộ 29 đoạn qua địa bàn tỉnh Phú Yên	Cấp III - IV; 02 - 04 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị); tập trung các đoạn xung yếu, qua khu	Thị xã Đông Hòa	Huyện Sông Hinh	

TT	Tên công trình/Dự án	Quy mô dự kiến đến năm 2030	Địa điểm		Ghi chú
			Điểm đầu	Điểm cuối	
		dân cư và các đoạn trong đô thị			
3	Đầu tư mở rộng tuyến Quốc lộ 19C	Cấp III - IV; 02 - 04 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị); tập trung các đoạn xung yếu, qua khu dân cư và các đoạn trong đô thị	Huyện Đồng Xuân	Huyện Sông Hinh	
4	Đầu tư hoàn chỉnh tuyến đường bộ nối hai tỉnh Phú Yên - Gia Lai, đoạn trên địa bàn tỉnh Phú Yên (Quốc lộ 19E)	Cấp III - IV; 02 - 04 làn xe	Huyện Đồng Xuân	Huyện Đồng Xuân	
5	Tuyến đường bộ ven biển	Cấp III đồng bằng và đường phố chính đô thị thứ yếu; 02 - 06 làn xe	Thị xã Sông Cầu	Thành phố Tuy Hòa	
III	**Đường tỉnh**				
1	Đường Kết nối QL1A, QL1D phía Nam hầm Cù Mông, thị xã Sông Cầu (tại Nút giao quy hoạch thị xã Sông Cầu)	Theo quy hoạch của địa phương	Thị xã Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu	
2	Đường số 7 thị trấn Chí Thạnh (tại Nút giao kết nối với thị trấn Chí Thạnh)	Theo quy hoạch của địa phương	Huyện Tuy An	Huyện Tuy An	

TT	Tên công trình/Dự án	Quy mô dự kiến đến năm 2030	Địa điểm		Ghi chú
			Điểm đầu	Điểm cuối	
3	Đường Nguyễn Hữu Thọ, đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến đường cao tốc (tại Nút giao kết nối với Đường Nguyễn Hữu Thọ)	Theo quy hoạch của địa phương	Thành phố Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa	
4	QL.29 đoạn kết nối đường Cao tốc với QL.1 (tại nút giao QL29)	Theo quy hoạch của địa phương	Thị xã Đông Hòa	Huyện Tây Hòa	
5	Đường kết nối Cao tốc với QL1 (tại Nút giao KCN Hòa Tâm)	Theo quy hoạch của địa phương	Thị xã Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa	
6	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.641 kết nối với tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên	Cấp III-IV, 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Tuy An	Huyện Đồng Xuân	
7	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.645	Cấp III, 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Thành phố Tuy Hòa	Huyện Tây Hòa	
8	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.648 (đoạn từ Cầu Dinh Ông - ĐT.645B)	Cấp III - IV, 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Tây Hòa	Huyện Tây Hòa	
9	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.648 (giai đoạn 3)	Cấp III-IV, 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Tây Hòa	Huyện Tuy An	

TT	Tên công trình/Dự án	Quy mô dự kiến đến năm 2030	Địa điểm		Ghi chú
			Điểm đầu	Điểm cuối	
10	Đường ĐT.645B (Đường cơ động quốc phòng gắn với phát triển KTXH, tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn Đông Hòa - Tây Hòa)	Cấp III-IV, 2-4 làn xe	Thị xã Đông Hòa	Huyện Tây Hòa	
11	Tuyến Xuân Phước - Phú Hải (giai đoạn 3);	Cấp III-IV, 2-4 làn xe	Huyện Sơn Hòa	Huyện Sơn Hòa	
12	Công trình đầu tư xây dựng cầu qua sông Ba (nối đô thị Phong Niên, huyện Phú Hòa với thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa)	Cấp III - IV; 2-4 làn xe	Huyện Phú Hòa	Huyện Tây Hòa	
13	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.642	Cấp III - IV; 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Thị xã Sông Cầu	Huyện Đồng Xuân	
14	Tuyến đường nối dài từ ĐT.643 đến điểm kết nối với tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên	Cấp III 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Tuy An	Huyện Tuy An	
15	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.644 đến ĐT.647	Cấp III-IV, 2-4 làn xe	Huyện Đồng Xuân	Huyện Đồng Xuân	
16	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.646	Cấp III - IV; 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Đồng Xuân	Huyện Sơn Hòa	

TT	Tên công trình/Dự án	Quy mô dự kiến đến năm 2030	Địa điểm		Ghi chú
			Điểm đầu	Điểm cuối	
17	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.647	Cấp III - IV; 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Đồng Xuân	Huyện Đồng Xuân	
18	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.650	Cấp III - IV; 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Tuy An	Huyện Sơn Hòa	
19	Tuyến ĐT.650 nối dài (kết nối với Quốc lộ 25 và Quốc lộ 29)	Cấp III-IV, 2-4 làn xe	Huyện Sơn Hòa	Huyện Sông Hinh	
20	Tuyến kết nối Cảng hàng không Tuy Hòa với Quốc lộ 25 và Quốc lộ 29	Đường đô thị, 4-6 làn xe	Thành phố Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa	
21	Tuyến đường từ cảng Bãi Gốc (KKT Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên) kết nối QL1 đi KKT Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa)	Đường đô thị, 4-6 làn xe	Thị xã Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa	
22	Tuyến đường kết nối tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông với Thành phố Tuy Hòa và huyện Phú Hòa	Cấp III - IV, đường đô thị; 2-6 làn xe;	Thành phố Tuy Hòa	Huyện Phú Hòa	
23	Chương trình bê tông hóa đường GTNT	Tối thiểu đạt chuẩn đường cấp D trở lên đến cấp IV	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên		

Ghi chú:

- Quy mô quy hoạch các đoạn tuyến đường bộ qua khu vực đô thị đầu tư phù hợp với quy hoạch xây dựng đô thị.

- Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Phương án quy hoạch (quy hoạch mới, nâng cấp, sửa chữa, di dời) các tuyến đường huyện, đường đô thị, đường nông thôn khác, đường trong các khu sản xuất, khu du lịch, khu, cụm công nghiệp, phương án các công trình logistics cấp huyện, bến xe, bãi đỗ xe và các công trình hạ tầng giao thông khác sẽ được xác định trong quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng nông thôn.

Phụ lục VI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN, LƯỚI ĐIỆN, TRẠM BIẾN ÁP TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. NGUỒN ĐIỆN

STT	Công trình cấp điện	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất (MW)		Ghi chú
			Hiện trạng	Công suất dự kiến đến năm 2030*	
I	**Điện gió tiềm năng**			10.000	
	Nghiên cứu thu hút đầu tư các dự án điện gió tại các khu vực tiềm năng	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh			
II	**Điện mặt trời tiềm năng**			1.850	
	Nghiên cứu thu hút đầu tư các dự án điện mặt trời tại các khu vực tiềm năng	Thị xã Sông Cầu và các huyện Tây Hòa, Sơn Hòa, Phú Hòa, Sông Hinh			
III	**Điện sinh khối, điện sản xuất từ rác tiềm năng**			200	
	Nghiên cứu thu hút đầu tư các dự án điện sinh khối, điện sản xuất từ rác tại các khu vực tiềm năng	Thành phố Tuy Hòa và các huyện Sơn Hòa, Tuy An, Tây Hòa, Đồng Xuân			
IV	**Thủy điện**				
IV.1	**Các dự án thủy điện đang hoạt động dự kiến mở rộng, nâng công suất**				

STT	Công trình cấp điện	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất (MW)		Ghi chú
			Hiện trạng	Công suất dự kiến đến năm 2030*	
1	Thủy điện Sông Hinh (Mở rộng)	Huyện Sông Hinh	70	140	Được phê duyệt theo Quy hoạch điện VIII (Phụ lục III Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023)
2	Thủy điện Sông Ba Hạ (Mở rộng)	Huyện Sơn Hòa	220	280	
3	Nâng công suất Thủy điện Đá Đen	Huyện Tây Hòa	9	15	Cải tạo nâng công suất
IV.2	**Dự án thủy điện được quy hoạch trong giai đoạn 2011 - 2020 dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030**				
	Thủy điện Khe Cách	Huyện Đồng Xuân		12	
IV.3	**Các dự án thủy điện tiềm năng**	Các huyện: Đồng Xuân, Sông Hinh, Sơn Hòa		469	
V	**Nhà máy nhiệt điện LNG tiềm năng**	Thị xã Đông Hòa		1.400	

Ghi chú:

- Quy mô và vị trí của các dự án điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện sản xuất từ rác sẽ được xác định cụ thể trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch khác có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc đầu tư các dự án đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 chưa triển khai thực hiện được đưa vào giai đoạn 2021 - 2030, dự án nguồn điện có tiềm năng

phát triển phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tiềm năng phát triển và các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và các quy định khác có liên quan.

- Các dự án thủy điện đang vận hành chỉ được thực hiện điều chỉnh công suất khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng các quy định về quy hoạch, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

- Danh mục các dự án, địa điểm cụ thể, quy mô công suất, diện tích đất sử dụng đất, sử dụng mặt biển, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án nguồn điện nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, đảm bảo tuân thủ Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

B. LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI

1. Trạm biến áp 110kV

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất dự kiến năm 2030	
1	**Xây dựng mới**			
1.1	TBA 110kV Phú Lâm		40	
1.2	TBA 110kV Vân Hòa		40	
1.3	TBA 110kV Hòa Tâm		2x40	
1.4	TBA 110kV Sơn Thành		40	
1.5	TBA 110kV Xuân Lãnh		40	
1.6	TBA 110kV KCN Đông Bắc Sông Cầu		40	
1.7	TBA 110kV Sông Hinh		25	
1.8	TBA 110kV Hòa Hiệp 2		40	
1.9	TBA 110kV KCN Đa ngành		2x63	
1.10	TBA 110kV Hòa trị		40	
1.11	TBA 110kV Hóa dầu		2x40	
1.12	TBA 110kV Hòa Hiệp 3		40	
1.13	TBA 110kV Tuy Hòa 3		40	

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất dự kiến năm 2030	
1.14	TBA 110kV Hòa Mỹ Đông		40	
1.15	TBA 110kV NC Nam Phú Yên		2x40	
1.16	TBA 110kV KCN Đông Bắc Sông Cầu mở rộng		40	
1.17	TBA 110kV Tuy An 2		40	
1.18	TBA 110kV Phú Hòa		40	
1.19	TBA 110kV Sông Cầu nối nối cấp		63	
1.20	TBA 110kV Điện gió, điện mặt trời xanh Sông Cầu		5/63	
2	**Cải tạo**			
2.1	TBA 110kV Tuy Hòa	2x40	2x63	
2.2	TBA 110kV Tuy Hòa 2	25+40	2x40	
2.3	TBA 110kV Tuy An	40	2x40	
2.4	TBA 110kV Sông Cầu	40	2x63	
2.5	TBA 110kV Sông Cầu 2	40	2x40	
2.6	TBA 110kV Hòa Hiệp	25+40	2x40	
2.7	TBA 110kV Sơn Hòa	25	2x40	
2.8	TBA 110kV An Mỹ	40	2x40	
2.9	TBA 110kV Đồng Xuân	25	2x40	
2.10	TBA 110kV Phú Hòa	40	2x40	
2.11	TBA 110kV Đèo cả	25	2x40	

2. Đường dây 110kV

STT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
1	**Xây dựng mới**			
1.1	TBA 110kV Sơn Hòa - TBA 110kV Sông Hinh		1x18,77km	
			ACSR-240	

STT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
1.2	Trạm 220kV Sông Cầu - KCN Đông Bắc Sông Cầu		1x18,77km	
			ACSR-240	
1.3	TBA 220kV Nam Phú Yên - Hòa Tâm		2x3km	
			ACSR-300	
1.4	Nhánh rẽ đấu nối TBA Phú Lâm		2x3km	
			ACSR-300	
1.5	Nhánh rẽ TBA 110kV Vân Hòa		2x4,5km	
			ACSR-300	
1.6	Sông Hinh - Krông H'Năng		2x15km	
			ACSR-300	
1.7	Đèo Cả - Hòa Hiệp 2 - nhánh rẽ Trạm 220kV Tuy Hòa - Phú Hòa		1x41km	
			ACSR-240	
1.8	Nhánh rẽ TBA Hòa Hiệp 2		1x28km	
			ACSR-300	
1.9	Sơn Hòa - Krông Pa		2x0,5km	
			ACSR-300	
1.10	Nhánh rẽ TBA 110kV Hóa Dầu		2x34km	
			ACSR-300	
1.11	Nhánh rẽ TBA 110kV KCN Đa ngành		2x 4km	
			ACSR-300	
1.12	Nhánh rẽ TBA Sơn Thành		2x0,5km	
			ACSR-300	
1.13	Nhánh rẽ TBA Hòa Trị		2x 0,5 km	
			ACSR-300	
1.14	Nhánh rẽ TBA Xuân Lãnh		2x0,5km	
			ACSR-240	
1.15	DZ 110kV Xuân Lãnh - TBA 110kV Vân Canh (Bình Định)		2x11 km	
			ACSR-300	
1.16	Nhánh rẽ TBA Hòa Hiệp 3		1x20,5Km	
			ACSR-300	

STT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
1.17	Nhánh rẽ TBA Tuy Hòa 3		2x4km	
			ACSR-300	
1.18	Nhánh Rẽ TBA 110kV Hòa Mỹ Đông		2x2,5km	
			ACSR-240	
1.19	TBA 110kV NC Nam Phú Yên		2x1,5km	
			ACSR-300	
1.20	TBA 110kV KCN Đông Bắc Sông Cầu mở rộng		2x3 km	
			ACSR-300	
1.21	Đường dây 110kV Sông Hinh - Thủy điện Sông Hinh		2x9km	
			ACSR-300	
1.22	Nhánh rẽ TBA 110kV Tuy An 2		2x4,5km	
			ACSR-240	
1.23	Xuất tuyến 110kV Đấu nối TBA		4x5km	
			ACSR-300	
1.24	Xuất tuyến 110kV Đấu nối TBA 220kV Nam Phú Yên		4x1,5km	
			ACSR-300	
1.25	Tuy Hòa 220 - Phú Hòa		2x9 (AC-300)	
1.26	Phú Hòa - Tuy Hòa 2		1x9 (AC-240)	
1.27	Đấu nối ĐMT Xanh Sông Cầu		2x7 (AC-400)	
1.28	Sông Cầu 220 - Quy Nhơn 3		2x30 (AC-300)	
2	**Cải tạo**			
2.1	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Sông Hinh - Tuy Hòa 2	1x29,5km	1x 29,5km	
		ACSR-185 mm^2	ACSR300	
2.2	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Sông Hinh - Sơn Giang - Phú Hòa	1x33km	1x33km	
		ACSR-185 mm^2	ACSR300	

STT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
2.3	Cải tạo đường dây 110kV từ trạm 220kV Tuy Hòa - Sơn Hòa	1x23km	2x23km	
		ACSR-240mm^2	ACSR300	
2.4	Cải tạo đường dây 110kV Tuy Hòa 2 - Hòa Hiệp - Đèo Cả	1x28km	2x28km	
		ACSR-185mm^2	ACSR300	
2.5	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Tuy Hòa - Phú Hòa	1x11km	1x11km	
		ACSR-185 mm^2	ACSR300	
2.6	Kéo dây mạch 2 đường dây trạm 220kV Tuy Hòa - An Mỹ	1x13km	2x13km	
		ACSR300	ACSR300	
2.7	Cải tạo nâng tiết diện DZ 110kV Đèo cả - Vạn Giã.	2x18km	2x18km	
		ACSR185	ACSR300	
2.8	Cải tạo đường dây 110kV mạch kép từ trạm 220kV Tuy Hòa - An Mỹ - Tuy An - Sông Cầu 2	2x53km	2x53km	
		ACSR-240	ACSR-400	
2.9	Cải tạo đường dây 110kV mạch đơn từ trạm 220kV Tuy Hòa - Tuy Hòa	1x10km	1x10km	
		ACSR-240	ACSR-400	

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện của mỗi giai đoạn, quy mô của trạm biến áp sẽ được lựa chọn phù hợp với nhu cầu phụ tải và giải tỏa công suất nguồn điện; quy mô, chiều dài đường dây sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Trong trường hợp có sự tăng trưởng phụ tải ở một số khu vực một cách đột biến dẫn đến phải thay đổi, bổ sung quy mô, kết lưới đường dây và trạm thì báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép triển khai.

Phụ lục VII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THỦY LỢI TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên hệ thống/ công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
I	**Xây dựng mới**			
I.1	***Vùng hạ lưu lưu vực sông Ba***			
1	Xây dựng mới hồ chứa Suối Thá	Huyện Sơn Hòa	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước, hệ thống kênh tưới và các công trình phụ trợ	
2	Xây dựng mới hồ chứa Sông Tha	Huyện Sơn Hòa	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước, hệ thống kênh tưới và các công trình phụ trợ	
3	Xây dựng mới hồ chứa Sông Bạc	Huyện Sơn Hòa	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước, hệ thống kênh tưới và các công trình phụ trợ	
4	Xây dựng mới hồ chứa Suối Nước Nóng	Huyện Tây Hòa	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước, hệ thống kênh tưới và các công trình phụ trợ	
5	Xây dựng mới hồ chứa Sông Mới	Thị xã Đông Hòa	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước, hệ thống kênh tưới và các công trình phụ trợ	
6	Xây dựng kè chống xói lở bờ tả Sông Ba khu vực thị trấn Củng Sơn (GĐ 2)	Huyện Sơn Hòa	Tuyến kè dài 2.000m	

STT	Tên hệ thống/ công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
7	Xây dựng kè bảo vệ bờ tả Sông Ba tại khu vực cầu Dinh Ông, thị trấn Phú Hòa	Huyện Phú Hòa	Tuyến kè dài 2.000m	
8	Xây dựng kè chống xói lở bờ tả sông Ba khu vực xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa (Phú Sen, Ông Tím)	Huyện Phú Hòa	Tuyến kè dài 6.000m	Đảm bảo ổn định cho quốc lộ 25 và kênh chính Bắc của hệ thống Thủy Nông Đồng Cam đi qua khu vực này.
9	Xây dựng kè Hòa Phú, huyện Tây Hòa	Huyện Tây Hòa	Tuyến kè dài 2.000m	
10	Kè chống xói lở bờ hữu sông Ba, đoạn từ thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa đến phòng Phú Lâm, thành phố Tuy Hòa	Huyện Tây Hòa, thị xã Đông Hòa, TP Tuy Hòa	Tuyến kè dài 10.500m	
11	Xây dựng kè Lạc Nghiệp, huyện Tây Hòa	Huyện Tây Hòa	Tuyến kè dài 1.500m	
12	Xây dựng kè An Phú	Thành phố Tuy Hòa	Tuyến kè dài 2.000m	
13	Xây dựng đê Ngăn mặn	Thành phố Tuy Hòa	Tuyến đê dài 1.500m	
14	Xây dựng kè chống xói lở bờ tả Sông Ba kết hợp phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng cũ (giai đoạn 2)	Thành phố Tuy Hòa	Tuyến kè dài 1.000m	
15	Xây dựng kè chống sạt lở mái ngoài kênh chính Bắc phía bờ sông Ba	Huyện Phú Hòa	Kè mái ngoài 700m	Đảm bảo ổn định kênh chính Bắc của hệ thống Thủy Nông Đồng Cam đi qua khu vực này.

STT	Tên hệ thống/ công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
16	Xây dựng kè chống sạt lở mái ngoài kênh chính Nam phía bờ sông Ba, huyện Tây Hòa	Huyện Tây Hòa	Kèmái ngoài: 1.500 m	Đảm bảo ổn định kênh chính Nam của hệ thống Thủy Nông Đồng Cam đi qua khu vực này.
17	Xây dựng kè Hòa Hiệp Nam, Hòa Hiệp Trung, thị xã Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa	Tuyến kè dài 12.000m	
18	Xây dựng kè chống xói lở khu vực cửa sông Đà Nông, thị xã Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa	Tuyến kè dài 2.000m	
19	Xây dựng kè bờ Bắc, Bờ Nam Sông Bàn Thạch (từ Quốc lộ 1 đến đường sắt), thị xã Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa	Tuyến kè dài 7.000m	Bảo vệ cho 560 ha đất
20	Xây dựng trạm bơm chống hạn Phú Hòa	Huyện Phú Hòa	- Xây dựng trạm bơm chống hạn quy mô công suất 8.000 m^3/h; - Kênh tưới: 0,5 km.	
21	Xây dựng trạm bơm chống hạn Hòa Đồng	Huyện Tây Hòa	- Xây dựng trạm bơm chống hạn quy mô công suất 2.000 m^3/h; - Kênh tưới: 0,5 km;	
22	Xây dựng trạm bơm chống hạn Đá Cối	Huyện Tây Hòa	- Xây dựng trạm bơm chống hạn quy mô công suất 4.000 m^3/h; - Kênh tưới: 2 km	
I.2	***Vùng lưu vực Sông Cầu***			
1	Xây dựng mới hồ chứa Xuân Lâm	Thị xã Sông Cầu	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước, hệ thống kênh tưới và các công trình phụ trợ	
2	Xây dựng kè Xuân Cảnh	Thị xã Sông Cầu	Tuyến kè dài 2.900m	

STT	Tên hệ thống/ công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
3	Xây dựng kè Xuân Thịnh	Thị xã Sông Cầu	Tuyến kè dài 1.200m	
I.3	***Vùng lưu vực sông Kỳ Lộ***			
1	Xây dựng mới hồ chứa Phú Xuân 2	Huyện Đồng Xuân	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước và các công trình phụ trợ	
2	Xây dựng mới hồ chứa Suối Cối	Huyện Đồng Xuân	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước và các công trình phụ trợ	
3	Xây dựng mới hồ chứa Phú Mỡ	Huyện Đồng Xuân	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước và các công trình phụ trợ	
4	Xây dựng mới hồ chứa Tó Ó	Huyện Tuy An	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước và các công trình phụ trợ	
5	Xây dựng kè Xuân Thọ 1, TX. Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu	Tuyến kè dài 4.000m	
6	Xây dựng kè Xuân Thọ 2, TX. Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu	Tuyến kè dài 2.200m	
7	Xây dựng kè Bình Bá, TX. Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu	Tuyến kè dài 3000m	
8	Xây dựng kè Ngự Hàm Thủy, huyện Tuy An	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 2.500m	
9	Xây dựng đê hướng dòng cửa biển Lễ Thịnh	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 3000m	
10	Xây dựng đê hướng dòng của biển An Hải	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 2000m	
11	Xây dựng kè Phú Thường, huyện Tuy An	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 2000m	
12	Xây dựng kè An Chấn, huyện Tuy An	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 3000m	

STT	Tên hệ thống/ công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
13	Xây dựng kè chống sạt lở dọc sông Kỳ Lộ, huyện Đồng Xuân	Huyện Đồng Xuân	Tuyến kè dài 5000m	
14	Xây dựng mới hồ chứa nước Phú Mỹ	Huyện Tuy An	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm cá hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước và các công trình phụ trợ	
15	Xây dựng mới hồ chứa nước Miếu Bịch	Huyện Tuy An	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm cá hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước và các công trình phụ trợ	
16	Xây dựng kè chống sạt lở dọc sông Kỳ Lộ, huyện Tuy An	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 7.000m	
17	Xây dựng kè sông Hà Yến	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 4.000m	
18	Xây dựng kè Bãi Dài	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 900m	
19	Xây dựng kè An Vũ	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 300m	
20	Xây dựng đê ngăn mặn	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 4.500m	
II	**Nâng cấp sửa chữa**			
II.1	***Vùng hạ lưu lưu vực sông Ba***			
1	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa Suối Vực	Huyện Sơn Hòa	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước - Kênh tưới: 12 km - Xây dựng hệ thống kênh nhánh: 30 km	
2	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa Hóc Răm	Huyện Tây Hòa	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước. - Kênh tưới: 4 km	

STT	Tên hệ thống/ công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
3	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa Lỗ Ân	Thành phố Tuy Hòa	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước - Kênh tưới: 4 km;	
4	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống sử dụng nước sau Thủy điện sông Hinh	Huyện Sông Hinh	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập tràn, công lấy nước, trạm bơm tưới; - Kênh tưới: 30 km.	
5	Nâng cấp, sửa chữa đập ngăn mặn Thạch Tuân	Thị xã Đông Hòa	Sửa chữa, nâng cấp để ngăn mặn và cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và Khu Kinh tế Nam Phú Yên	
6	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống trạm bơm Phú Vang	Thành phố Tuy Hòa	Nâng cấp, sửa chữa 20 km kênh tưới	
7	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống trạm kênh Nam	Huyện Tây Hòa	Nâng cấp, sửa chữa khoảng 60 km kênh tưới	
8	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống trạm kênh Bắc	Huyện Phú Hòa	Nâng cấp, sửa chữa khoảng 77 km kênh tưới	
9	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống trạm bơm Nam Bình	Tx. Đông Hòa	- Sửa chữa nâng cấp nhà máy trạm bơm bằng BTCT; - Kênh tưới: 5km	
10	Nâng cấp, sửa chữa đập Đồng Cam	Huyện Phú Hòa	Nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập chính, cống lấy nước, cống xả cát	
II.2	***Vùng lưu vực sông Cầu***			
	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa Xuân Bình	Tx Sông Cầu	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước, kênh dẫn chuyển lưu vực, đập dâng Bình Ninh; - Kênh tưới: 4 km	

STT	Tên hệ thống/ công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
II.3	***Vùng lưu vực sông Kỳ Lộ***			
1	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa Kỳ Châu	Huyện Đồng Xuân	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước - Kênh tưới: 10 km - Xây dựng hệ thống kênh nhánh: 15 km	
2	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa Phú Xuân	Huyện Đồng Xuân	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước - Kênh tưới: 18 km	
3	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa Đồng Tròn	Huyện Tuy An	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước - Kênh tưới: 10 km	
4	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống trạm bơm Bầu Súng	Huyện Tuy An	- Sửa chữa nâng cấp nhà máy trạm bơm bằng BTCT; - Kênh tưới: 2 km	
5	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống trạm Tuy An	Huyện Tuy An	Nâng cấp, sửa chữa khoảng 20 km kênh tưới	

Ghi chú: Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Khu vực cấp nước	Dự báo nhu cầu sử dụng nước (m^3/ngày đêm)	
		Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	**Nhà máy nước Tuy Hòa** (gồm: Thành phố Tuy Hòa; thị xã Đông Hòa; các xã An Chấn, An Mỹ, An Hòa Hải - Tuy An; và các vùng lân cận)	30.000	50.000
2	**Nhà máy nước Phú Hòa** (gồm: Khu vực huyện Phú Hòa và huyện Tây Hòa)	3.000	8.000
3	**Nhà máy nước Sông Cầu** (gồm: Các phường nội thị, xã Xuân Phương, xã Xuân Lâm và xã Xuân Thọ 1)	6.000	8.000
4	**Nhà máy nước Đông Bắc Sông Cầu Cầu** (gồm: Các xã Xuân Bình, Xuân Lộc, Xuân Hải, Xuân Cảnh và khu vực lân cận thị xã Sông Cầu)	5.000	10.000
5	**Nhà máy nước Chí Thạnh** (gồm: Thị trấn Chí Thạnh, các xã: An Dân, An Định, An Thạch, An Ninh Đông, An Ninh Tây, An Cư và khu vực lân cận huyện Tuy An)	9.000	15.000
6	**Nhà máy nước La Hai** (gồm: Thị trấn La Hai, các xã: Xuân Quang 3, Xuân Sơn Bắc, Xuân Long và khu vực lân cận huyện Đồng Xuân)	2.000	3.000
7	**Nhà máy nước Củng Sơn** (gồm: Thị trấn Củng Sơn, các xã: Suối Bạc, Sơn Hà và khu vực lân cận huyện Sơn Hòa)	2.500	3.000

STT	Khu vực cấp nước	Dự báo nhu cầu sử dụng nước (m^3/ngày đêm)	
		Đến năm 2025	**Đến năm 2030**
8	**Nhà máy nước Hai Riêng** (gồm: Thị trấn Hai Riêng, các xã: xã Ea Bia, Ea Trol và khu vực lân cận huyện Sông Hinh)	3.000	4.000
9	**Khu kinh tế Nam Phú Yên**	50.000	100.000
	Tổng cộng	**110.500**	**201.000**

Ghi chú: Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ; các dự án cấp nước khác đối với cấp huyện, cấp xã được xác định trong quy hoạch xây dựng chung cấp huyện, quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã.

Phụ lục IX

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Nhà máy xử lý rác

STT	Danh mục	Nội dung quy hoạch	Dự kiến quy mô (tấn/ngày)
1	Khu liên hợp xử lý rác TP.Tuy Hòa	Đầu tư mới	1.000
2	Khu xử lý CTR Thị xã Sông Cầu	Đầu tư mới	206
3	Khu xử lý chất thải Thị xã Đông Hòa	Đầu tư mới	150
4	Nhà máy xử lý rác thải rắn sinh hoạt Phú Yên	Đầu tư mới	420

II. Nhà máy xử lý nước thải

STT	Danh mục	Địa điểm	Dự kiến quy mô (m^3/ng.đ)
I	**Danh mục đầu tư nâng công suất**		
	Nhà máy XLNT TP. Tuy Hòa	TP. Tuy Hòa	22.500
II	**Danh mục đầu tư xây mới**		
1	Nhà máy XLNT thị xã Đông Hòa	TX Đông Hòa	15.200
2	Nhà máy XLNT Thị xã Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu	15.300
3	Nhà máy XLNT huyện Phú Hòa	Huyện Phú Hòa	10.000
4	Nhà máy XLNT huyện Tuy An	Huyện Tuy An	4.000
5	Nhà máy XLNT huyện Sông Hinh	Huyện Sông Hinh	1.500
6	Nhà máy XLNT huyện Sơn Hòa	Huyện Sơn Hòa	2.000
7	Nhà máy XLNT huyện Đồng Xuân	Huyện Đồng Xuân	4.300
8	Nhà máy XLNT Huyện Tây Hòa	Huyện Tây Hòa	8.000

Ghi chú: Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ; các dự án xử lý chất thải khác đối với cấp huyện, cấp xã được xác định trong quy hoạch xây dựng.

Phụ lục X

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình
1	Đầu tư xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh
2	Xây dựng đô thị thông minh tỉnh
3	Phát triển toàn diện hệ thống phát thanh truyền hình tỉnh Phú Yên trong kỷ nguyên số
4	Thành lập Khu công nghệ thông tin chuyển đổi số Phú Yên

Ghi chú: Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Số cơ sở	Cơ sở/ Địa điểm
I	**Đầu tư nâng cấp sửa chữa, xây mới cơ sở các bậc học**		
1	Trường trung học phổ thông	28	Các huyện, thị xã, thành phố
2	Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	01	Thành phố Tuy Hòa
3	Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	(*)	Các huyện, thị xã, thành phố
II	**Khối đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trung tâm giáo dục**		
II.1	**Nâng cấp, cải tạo**		
1	Trường Đại học Phú Yên	01	Thành phố Tuy Hòa
2	Trường Đại học Xây dựng miền Trung	01	Thành phố Tuy Hòa
3	Cao đẳng nghề Phú Yên	01	Thành phố Tuy Hòa
4	Cao đẳng Công Thương Miền Trung	01	Thành phố Tuy Hòa
5	Cao đẳng y tế Phú Yên	01	Thành phố Tuy Hòa
6	Trung tâm GDNN - GDTX thị xã Sông Cầu	01	Thị xã Sông Cầu
7	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Tuy An	01	Huyện Tuy An
8	Trung tâm GDNN - Hướng nghiệp tỉnh Phú Yên	01	Thành phố Tuy Hòa
9	Trung Tâm GDNN - Dạy Nghề Huyện Đồng Xuân	01	Huyện Đồng Xuân
10	Trung tâm GDNN huyện Sông Hinh	01	Huyện Sông Hinh

STT	Danh mục	Số cơ sở	Cơ sở/ Địa điểm
11	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Phú Hòa	01	Huyện Phú Hòa
12	Trung tâm GDNN - GDTX thị xã Đông Hòa	01	Thị xã Đông Hòa
13	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Tây Hòa	01	Huyện Tây Hòa
II.2	**Di dời, xây mới**		
	Học viện Ngân hàng - Phân hiệu Phú Yên (**)	01	Thành phố Tuy Hòa

Ghi chú: *Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.*

** Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thực hiện theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan.*

*** Giai đoạn 2026 - 2030, di dời học viện ngân hàng - phân viện Phú Yên đến địa điểm mới.*

Phụ lục XII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Cơ sở khám chữa bệnh	Dự kiến quy mô gường bệnh đến 2030	Địa điểm
I	**Cấp tỉnh**	**2.200**	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên (hạng 1)	1.000	
2	Bệnh viện Sản nhi	400	Thành phố Tuy Hòa
3	Bệnh viện Y dược cổ truyền	300	Thành phố Tuy Hòa
4	Bệnh viện Phục hồi chức năng	200	Thành phố Tuy Hòa
5	Bệnh viện Mắt	50	Thành phố Tuy Hòa
6	Bệnh viện Da liễu	50	Thành phố Tuy Hòa
7	Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh	50	Thành phố Tuy Hòa
8	Bệnh viện Công An tỉnh	50	Thành phố Tuy Hòa
9	Dự kiến nâng cấp một số khoa lên thành bệnh viện*	100	
III	**Cấp huyện**	**1.110**	
1	TTYT Thành phố Tuy Hòa	50	Thành phố Tuy Hòa
2	TTYT Thị xã Đông Hòa	100	Thị xã Đông Hòa
3	TTYT Thị xã Sông Cầu	160	Thị xã Sông Cầu
4	TTYT Huyện Đồng Xuân	550	Huyện Đồng Xuân
5	TTYT Huyện Phú Hòa	150	Huyện Phú Hòa
6	TTYT Huyện Sơn Hòa	150	Huyện Sơn Hòa
7	TTYT Huyện Sông Hinh	150	Huyện Sông Hinh
8	TTYT Huyện Tây Hòa	150	Huyện Tây Hòa
9	TTYT Huyện Tuy An	150	Huyện Tuy An

STT	Cơ sở khám chữa bệnh	Dự kiến quy mô gường bệnh đến 2030	Địa điểm
III	**Tổng số giường ngoài công lập**	**1.000**	
	Các Bệnh viện cung cấp dịch vụ chất lượng cao	1.000	
	Tổng số giường bệnh	**4.310**	

Ghi chú: Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

* Dự kiến thành lập bệnh viện lao và bệnh phổi và bệnh viện tâm thần.

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĂN HÓA, THỂ THAO TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
1	Công viên địa chất Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu, thị xã Đông Hòa, huyện Tuy An, một phần các huyện Phú Hòa, Tây Hòa và Sơn Hòa
2	Nhà Bảo tàng Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa
3	Nhà hát ca múa nhạc Dân gian Sao Biển	Thành phố Tuy Hòa
4	Nhà hát Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa
5	Nhà Văn hoá Diên Hồng	Thành phố Tuy Hòa
6	Trung tâm Văn hóa Triển lãm tỉnh Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa
7	Trung tâm Hội nghị Tỉnh	Thành phố Tuy Hòa
8	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa, Trung tâm Văn hóa - Thể thao các huyện, thị xã, thành phố	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh

B. CÁC THIẾT CHẾ THỂ THAO

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
1	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh	Thành phố Tuy Hòa
2	Trung tâm vui chơi Thể dục thể thao tỉnh	Thành phố Tuy Hòa
3	Sân vận động tỉnh	Thành phố Tuy Hòa

Ghi chú: Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XIV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Chợ đầu mối (hạng I)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
	Công trình xây dựng mới	
1	Chợ đầu mối thủy sản Dân Phước	Thị xã Sông Cầu
2	Chợ đấu giá cá ngừ tỉnh Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa

II. Kho dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt (quy mô dưới 5.000 m^3)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
	Công trình xây dựng mới	
1	**Xăng dầu (quy mô dưới 5.000 m^3)**	
	Xây mới 2-3 kho xăng dầu	Thị xã Đông Hòa
2	**Khí đốt (quy mô dưới 2.500 tấn)**	
	Xây mới từ 2-3 kho và trạm nạp LPG	Trên địa bàn tỉnh

III. Trung tâm logistics

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
	Công trình xây dựng mới	
1	Trung tâm logistics Thị xã Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa
2	Trung tâm logistics Thành phố Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa
3	Trung tâm logistics Thị xã Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục XV

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Loại đất	Mã	Diện tích QH đến năm 2030		Ghi chú
			Diện tích cấp Quốc gia phân bổ (ha)	Nhu cầu sử dụng đất theo đề xuất của tỉnh (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN			**502.596**	**502.596**	
I	Loại đất				
1	Đất nông nghiệp	NNP	424.026	419.841	-4.185
	Trong đó:			0	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	31.378	29.226	-2.152
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*25.789*	25.169	*-620*
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN		66.951	66.951
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	104.925	104.925	0
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	15.785	15.785	0
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	131.303	131.303	0
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	73.085	89.533	16.448
	Trong đó:			0	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	12.328	12.328	0
2.2	Đất an ninh*	CAN	1.915	1.915	0
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.449	3.462	2.013
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		1.230	1230
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		2.829	2.829
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		1.689	*1.689*

TT	Loại đất	Mã	Diện tích QH đến năm 2030		Ghi chú
			Diện tích cấp Quốc gia phân bổ (ha)	**Nhu cầu sử dụng đất theo đề xuất của tỉnh** (ha)	
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS		904	904
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia	DHT	*26.353*	30.770	*4.417*
	Trong đó			0	
	Đất giao thông	*DGT*	*11.030*	14.029	*2.999*
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	*DVH*	*125*	125	*0*
	Đất xây dựng cơ sở y tế	*DYT*	*133*	135	*2*
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	*DGD*	*831*	881	*50*
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	*DTT*	*198*	798	*600*
	Đất công trình năng lượng	*DNL*	*10.150*	10.400	*250*
	Đất công trình bưu chính viễn thông	*DBV*	*21*	21	*0*
2.9	*Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia*	*DKG*	2	2	0
2.10	*Đất có di tích lịch sử văn hóa*	*DDT*	86	250	164
2.11	*Đất cơ sở tôn giáo*	*TON*		148	148
2.12	*Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, hỏa táng*	*NTD*		1.460	1.460
2.13	*Đất bãi thải, xử lý chất thải*	*DRA*	301	438	137
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		577	577
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT		6.084	6.084
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT		4.277	4.277
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC		250	250
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		98	98
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		0	0
3	Đất chưa sử dụng	CSD	5.485	5.485	0

TT	Loại đất	Mã	Diện tích QH đến năm 2030		Ghi chú
			Diện tích cấp Quốc gia phân bổ (ha)	Nhu cầu sử dụng đất theo đề xuất của tỉnh (ha)	
II	Khu chức năng			0	
1	Đất khu công nghệ cao	KCN	0	460	460
2	Đất khu kinh tế	KKT	20.730	20.730	0
3	Đất đô thị	KDT	20.944	20.944	0

Ghi chú:

- Việc định hướng sử dụng đất thực hiện theo Công điện số 360/CĐ-TTg ngày 02/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ, trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh bổ sung thì thực hiện theo Quyết định điều chỉnh của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ tiêu đất an ninh được xác định theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Diện tích khu chức năng không tính vào diện tích tự nhiên. Diện tích đất nông nghiệp còn bao gồm đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác. Trong quá trình thực hiện UBND tỉnh Phú Yên chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu giữa các địa phương để phù hợp với nhu cầu sử dụng theo thẩm quyền và quy định hiện hành.

Phụ lục XVI

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC CHẾ BIẾN VÀ SỬ DỤNG CÁC LOẠI KHOÁNG SẢN LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG VÀ THAN BÙN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Các loại khoáng sản	Số lượng điểm mỏ
1	Đá xây dựng	85
2	Cát xây dựng	67
3	Đất, cát san lấp	132
4	Đất sét	21
5	Than bùn	6
Tổng cộng		**311**

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ quy hoạch cấp cao hơn, phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan để rà soát, xác định và điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của Tỉnh và các quy định hiện hành. Các khu vực bãi thải của mỏ có quyết định đóng cửa mỏ và các khu vực khoáng sản được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ thì quy mô diện tích, công suất, giai đoạn theo dự án đầu tư, đề án thăm dò được lập và phê duyệt. Đối với một số khu vực mỏ, khoáng sản dự kiến khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Các công trình phụ trợ cho khai thác mỏ như đường kết nối vào mỏ, khu nghiền sàng, chế biến khoáng sản... sẽ được xác định tại quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch nông thôn và trong quá trình lập, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ.

Phụ lục XVII
DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TỈNH PHÚ YÊN
(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm
I	**Giao thông vận tải**	
1	Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông kết nối từ Tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam đến đường địa phương	
1.1	Đường Kết nối QL1A, QL1D phía Nam hầm Cù Mông, thị xã Sông Cầu (tại Nút giao quy hoạch thị xã Sông Cầu)	Thị xã Sông Cầu
1.2	Đường số 7 thị trấn Chí Thạnh (tại Nút giao kết nối với thị trấn Chí Thạnh)	Huyện Tuy An
1.3	Đường Nguyễn Hữu Thọ, đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến đường cao tốc (tại Nút giao kết nối với Đường Nguyễn Hữu Thọ)	Thành phố Tuy Hòa
1.4	QL.29 đoạn kết nối đường Cao tốc với QL.1 (tại nút giao QL29)	Huyện Tây Hòa; Thị xã Đông Hòa
1.5	Đường kết nối Cao tốc với QL1 (tại Nút giao KCN Hòa Tâm)	Thị xã Đông Hòa
2	Tuyến đường cao tốc Phú Yên - Đắk Lắk (CT.23)	Thị xã Đông Hòa - Huyện Tây Hòa - Huyện Sông Hinh
3	Đầu tư mở rộng các đoạn còn lại của tuyến Quốc lộ 25	Các huyện Phú Hòa - Sơn Hòa
4	Đầu tư mở rộng tuyến Quốc lộ 29 đoạn qua địa bàn tỉnh Phú Yên	Thị xã Đông Hòa - Huyện Tây Hòa - Huyện Sông Hinh
5	Đầu tư mở rộng tuyến Quốc lộ 19C	Các huyện Đồng Xuân - Sơn Hòa - Sông Hinh
6	Đầu tư Hoàn chỉnh tuyến đường bộ nối hai tỉnh Phú Yên - Gia Lai, đoạn trên địa bàn tỉnh Phú Yên (Quốc lộ 19E)	Huyện Đồng Xuân

STT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm
7	Tuyến đường bộ ven biển	Thị xã Sông Cầu - Huyện Tuy An - Thành phố Tuy Hòa
8	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.641 và kết nối với với tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên	Các huyện Tuy An - Đồng Xuân
9	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.645	Thành phố Tuy Hòa - Huyện Tây Hòa
10	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.648 (đoạn từ Cầu Dinh Ông - ĐT.645B)	Huyện Tây Hòa
11	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.648 (giai đoạn 3)	Huyện Phú Hòa - Thành phố Tuy Hòa - Huyện Tuy An
12	Đường ĐT.645B (Đường cơ động quốc phòng gắn với phát triển KTXH, tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn Đông Hòa - Tây Hòa)	Thị xã Đông Hòa - Huyện Tây Hòa
13	Tuyến Xuân Phước - Phú Hải (giai đoạn 3);	Huyện Sơn Hòa - Huyện Đồng Xuân
14	Công trình đầu tư xây dựng cầu qua sông Ba (nối đô thị Phong Niên, huyện Phú Hòa với thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa)	Các huyện Phú Hòa - Tây Hòa
15	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.642	Thị xã Sông Cầu - Huyện Đồng Xuân
16	Tuyến đường nối dài từ ĐT.643 đến điểm kết nối với tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên	Huyện Tuy An
17	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.644 đến ĐT.647	Huyện Đồng Xuân
18	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.646	Huyện Đồng Xuân - Huyện Sơn Hòa
19	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.647	Huyện Đồng Xuân
20	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.649	Huyện Tuy An - Thị xã Sông Cầu
21	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.650	Huyện Tuy An - Sơn Hòa - Sông Hinh

STT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm
22	Tuyến ĐT.650 nối dài (kết nối với Quốc lộ 25 và Quốc lộ 29)	Huyện Sơn Hòa - Huyện Sông Hinh
23	Tuyến kết nối Cảng hàng không Tuy Hòa với Quốc lộ 25 và Quốc lộ 29	Thành phố Tuy Hòa - Thị xã Đông Hòa
24	Tuyến đường từ cảng Bãi Gốc (KKT Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên) kết nối QL1 đi KKT Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa)	Thị xã Đông Hòa
25	Tuyến đường kết nối tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông với Thành phố Tuy Hòa và huyện Phú Hòa	Thành phố Tuy Hòa - Huyện Phú Hòa
26	Chương trình bê tông hóa đường GTNT	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên
27	Đầu tư nâng cấp, mở rộng sân bay Cảng hàng không Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa
28	Đầu tư Khu bến Vũng Rô (thuộc Cảng biển Phú Yên)	Thị xã Đông Hòa
29	Đầu tư Khu bến Bãi Gốc (thuộc Cảng biển Phú Yên)	Thị xã Đông Hòa
30	Nâng cấp bến xe liên tỉnh; xây dựng mới và nâng cấp bến xe các huyện, thị xã	Các huyện, thị xã, thành phố
II	**Đô thị**	
1	Tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị thành phố Tuy Hòa để đạt tiêu chí đô thị loại I là thành phố thuộc tỉnh	TP. Tuy Hòa
2	Tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị huyện Tuy An để đạt tiêu chí đô thị loại IV là thị xã thuộc tỉnh	Huyện Tuy An
3	Tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị thị xã Sông Cầu để đạt tiêu chí đô thị loại III là thành phố thuộc tỉnh	Thị xã Sông Cầu
4	Dự án khu đô thị mới, khu du lịch trong KKT Nam Phú Yên	KKT Nam Phú Yên

STT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm
5	Khu đô thị dịch vụ ven biển thuộc Khu kinh tế Nam Phú Yên	Thị xã Đông Hòa
6	Khu đô thị mới phường Phú Lâm và Phú Thạnh	Thành phố Tuy Hòa
7	Khu đô thị dịch vụ ven biển Hòa Hiệp Nam	Thị xã Đông Hòa
8	Các khu đô thị Vịnh Xuân Đài	Thị xã Sông Cầu
9	Các Khu đô thị Đầm Ô Loan	Huyện Tuy An
10	Các khu đô thị thành phố Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa
11	Các khu đô thị phía Nam Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa
12	Khu đô thị Hòa Vinh	Thị xã Đông Hòa
13	Khu đô thị Nam Bình (giai đoạn 1)	Thị xã Đông Hòa
14	Khu đô thị mới phía Đông Hòa Vinh	Thị xã Đông Hòa
15	Khu đô thị Biển Hồ - Đá Bia	Thị xã Đông Hòa
16	Khu dân cư dọc kè sông Ba	Huyện Tây Hòa
III	**Công nghiệp**	
1	Hạ tầng kết nối các CCN, các KCN	Địa bàn các địa phương quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp
2	Dự án Khu liên hợp gang thép	Thị xã Đông Hòa
3	Tổ hợp lọc hóa dầu	Thị xã Đông Hòa
4	Các dự án: điện mặt trời; điện gió trên bờ; điện gió ngoài khơi; Nhà máy điện sinh khối; điện rác; nhà máy sản xuất Hydro-amoniac xanh	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh
5	Các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo phù hợp với quy hoạch	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh
6	Các Nhà máy chế biến: thức ăn chăn nuôi; chế biến sữa; chế biến nước hoa quả xuất khẩu gắn với vùng nguyên liệu; sản xuất chế biến gạo hàng hóa chất lượng cao tại tỉnh Phú Yên; chế biến các loại trái cây, thảo dược vùng nguyên liệu…	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh
7	Đầu tư kinh doanh hạ tầng các KCN, các CCN theo quy hoạch	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh

STT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm
IV	**Điện**	
1	Các công trình đường dây 500kV, 220kV, 110kV theo trạm biến áp	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh
2	Các công trình trạm biến áp 500kV, 220kV, 110kV theo quy hoạch	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh
3	Cải tạo, nâng công suất; xây dựng mới đường dây 110kV trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố	chi tiết danh mục dự án theo Phụ lục VI của Quyết định
V	**Thương mại - dịch vụ - du lịch - thể dục, thể thao**	
1	Các dự án đầu tư nâng cấp cải tạo và xây mới chợ	Các huyện, thị xã, thành phố
2	Dự án đầu tư Trung tâm hội chợ, triển lãm tỉnh	Thành phố Tuy Hòa
3	Đầu tư khoảng 3-4 sân Golf	Các địa phương ven biển; huyện Phú Hòa - Tây Hòa
4	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Rạng Đông - Phú Yên; Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp vịnh Vũng Rô; Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Hòn Nưa; Khu công viên chuyên đề kết hợp thương mại - dịch vụ nghỉ dưỡng; Khu du lịch Biển Hồ - Đá Bia; Khu Thương mại - Dịch vụ du lịch Công viên Bầu Hà	Thị xã Đông Hòa
5	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, tắm khoáng nóng Triêm Đức; Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, tắm khoáng nóng Trà Ô	Huyện Đồng Xuân
6	Khu du lịch Đá Bàn Hồ Mỹ Lâm; Khu du lịch suối Lạnh, Đầm Bầu Đá	Huyện Tây Hòa
7	Khu vui chơi, du lịch Gành Đá Hòa Thắng, Phú Hòa	Huyện Phú Hòa
8	Tổ hợp khu du lịch, văn hóa, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe cao nguyên Vân Hòa	Huyện Sơn Hòa và Tuy An

STT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm
9	Tổ hợp khu du lịch Vực Sông, Vực Hòm, Vực Lỗ Tròn; Khu du lịch đầm Ông Kinh - núi Mái Nhà; Khu du lịch Phú Lương; Tổ hợp khu du lịch nghỉ dưỡng Đầm Ô Loan; Dự án du lịch nghỉ dưỡng Gành Đá Đĩa	Huyện Tuy An
10	Khu du lịch nghỉ dưỡng Đầm Cù Mông	Thị xã Sông Cầu
11	Dự án Khu liên hợp Thể dục thể thao tỉnh Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa
12	Các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố
13	Trung tâm logistics tại Đông Hòa gắn với cảng cạn (ICD) phục vụ cảng Vũng Rô và cảng Bãi Gốc	Thị xã Đông Hòa
14	Trung tâm logistics thành phố Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa
15	Trung tâm logistics Sông Cầu gắn với khu công nghiệp Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu
16	Các Trung tâm logictics gắn với các đô thị lớn của tỉnh và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố
VI	**Lĩnh vực thủy lợi**	
1	Hồ Xuân Lâm; Kè Xuân Cảnh; Kè Xuân Thịnh; Kè Xuân Thọ 1; Kè Xuân Thọ 2; Kè Bình Bá...	Thị xã Sông Cầu
2	Kè Ngự Hàm Thủy; Kè mỏ hàn hướng dòng cửa biển Lễ Thịnh; Kè, mỏ hàn dòng của biển An Hải; Kè Phú Thường; Kè An Chấn…	Huyện Tuy An
3	Kè An Phú; Đê Ngăn mặn; Kè chống xói lở bờ tả Sông Ba kết hợp phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng cũ (giai đoạn 2)…	Thành Phố Tuy Hòa
4	Kè Hòa Hiệp Nam; Hòa Hiệp Trung; Kè chống xói lở khu vực cửa sông Đà Nông; Kè bờ Bắc, Bờ Nam Sông Bàn Thạch (từ Quốc lộ 1 đến đường sắt); Hồ Sông Mới; Kè bờ Nam Sông Ba - Đoạn từ cầu Đà Rằng cũ đến cầu Đà Rằng mới (Kết hợp phát triển đô thị)…	Thị xã Đông Hòa

STT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm
5	Hồ Suối nước Nóng; Kè Hòa Phú; Kè Lạc Nghiệp; Kè Phú Thứ (giai đoạn 2)…	Huyện Tây Hòa
6	Kè bảo vệ bờ tả Sông Ba tại khu vực cầu Dinh Ông, thị trấn Phú Hòa; Kè chống xói lở bờ tả sông Ba khu vực xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa (Phú Sen, Ông Tím); Đầu tư xây dựng Hồ chứa nước Lỗ Chài 2…	Huyện Phú Hòa
7	Hồ Suối Thá (Tân Hiên); Hồ Sông Tha; Hồ Sông Bạc; Kè chống xói lở bờ tả Sông Ba khu vực thị trấn Củng Sơn (GĐ 2)…	Huyện Sơn Hòa
8	Hồ chứa nước Phú Xuân 2, huyện Đồng Xuân; Hồ Suối Cối; Hồ chứa nước Phú Mỡ…	Huyện Đồng Xuân
VII	**Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	
1	Nâng cấp cảng cá Đông Tác (Cảng cá loại I - Cảng cá ngừ chuyên dụng, chợ đấu giá cá ngừ tỉnh Phú Yên)	Thành phố Tuy Hòa
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá lạch Vạn Củi xã An Ninh Tây	Xã An Ninh Tây, huyện Tuy An
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Hòa Hiệp Nam - Hòa Hiệp Trung	Thị xã Đông Hòa
4	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch xã An Hòa Hải - An Ninh Đông	Huyện Tuy An
5	Cảng cá Xuân Cảnh (Loại III)	Thị xã Sông Cầu
6	Cảng cá Mỹ Quang (Loại III)	Huyện Tuy An
7	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng, dịch vụ các vùng nuôi biển tập trung xa bờ	Thị xã Sông Cầu
8	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn công nghệ cao xã Xuân Bình	Thị xã Sông Cầu.
9	Dự án Hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản hạ lưu sông Bàn Thạch, tỉnh Phú Yên	Thị xã Đông Hòa
10	Dự án Nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021 - 2030, tỉnh Phú Yên	Tỉnh Phú Yên

STT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm
11	Dự án bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2026 - 2030	Tỉnh Phú Yên
12	Dự án Rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Phú Yên	Tỉnh Phú Yên
13	Nghiên cứu phát triển sản xuất giống lúa chất lượng cao	Tỉnh Phú Yên
14	Nghiên cứu lai, chọn tạo và khảo nghiệm một số giống lúa năng suất, chất lượng cao mang thương hiệu Tuy Hòa	Tỉnh Phú Yên
15	Phát triển giống sắn sạch bệnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Tỉnh Phú Yên
16	Ương nuôi tôm hùm giống trong bể xi-măng	Tỉnh Phú Yên
17	Phát triển sản xuất giống rong biển bằng công nghệ nuôi cấy mô; nuôi thương phẩm rong biển ngoài tự nhiên tại tỉnh Phú Yên	Tỉnh Phú Yên
18	Nâng cao năng lực quản lý giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Phú Yên	Tỉnh Phú Yên
19	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi đồng muối Tuyết Diêm	Tuyết Diêm, Xuân Bình, Sông Cầu
20	Dự án phát triển và bảo tồn làng nghề sản xuất muối hầm truyền thống Tuyết Diêm	TX Sông Cầu
21	Dự án đầu tư nhà máy chế biến muối chất lượng cao Tuyết Diêm	TX Sông Cầu
22	Dự án khu tái định cư thôn Chí Thán, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh	Huyện Sông Hinh
23	Dự án HTKT khu dân cư tập trung thôn Phước Huệ, xã Xuân Quang 2, huyện Đồng Xuân	Huyện Đồng Xuân
24	Dự án tái định cư tập trung Bãi Lách, Bãi Ngà và Suối Rô thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, TX Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa
25	Khu tái định cư Dòng Cây Bút thôn Thái Long, xã An Lĩnh, huyện Tuy An	Huyện Tuy An
26	Dự án tái định cư xen ghép thôn Thạch Khê, xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu

STT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm
27	Dự án tái định cư thôn Long Thạnh, xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu
28	Khu triều cường Gành Dưa thôn Giai Sơn, xã An Mỹ, huyện Tuy An	Huyện Tuy An
29	Dự án HTKT khu dân cư tập trung thôn Long Mỹ, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân	Huyện Đồng Xuân
30	Dự án khu tái định cư xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh	Huyện Sông Hinh
31	Dự án Cảng cá ngừ chuyên dụng, chợ đấu giá cá ngừ	Thành phố Tuy Hòa
32	Dự án xây dựng các trang trại chăn nuôi bò thịt và gia cầm trên địa bàn	Huyện Sơn Hòa
33	Dự án xây dựng vùng cây ăn quả, cây dược liệu, vùng nguyên liệu chất lượng cao gắn với các nhà máy chế biến	Các huyện Sông Hinh, Sơn Hòa, Tây Hòa, Phú Hòa, Đồng Xuân
34	Dự án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng cao nguyên Vân Hòa	Các huyện Sơn Hòa, Tuy An
35	Dự án Khu nuôi trồng thủy sản công nghệ cao	Thị xã Sông Cầu
36	Dự án khu nuôi trồng thủy sản vùng biển hở	Thị xã Sông Cầu và Thị xã Đông Hòa
37	Vùng sản xuất và chăn nuôi tập trung	Huyện Đồng Xuân, Sông Hinh và Sơn Hòa
38	Nâng cấp và xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thị xã và thành phố trên địa bàn tỉnh
39	Xây dựng vùng nguyên liệu và Nhà máy chế biến hoa quả, đóng gói trái cây xuất khẩu	Vùng phía Tây tỉnh Phú Yên
40	Dự án Vùng liên kết sản xuất lúa, gạo chất lượng cao phục vụ xuất khẩu tại tỉnh Phú	Các huyện Tây Hòa, Phú Hòa, Tuy An và thị xã Đông Hòa
VIII	**Lĩnh vực văn hóa - xã hội**	
1	Cơ sở cai nghiện ma túy và trợ giúp xã hội tỉnh Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa
2	Viện dưỡng lão và các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập	Thành phố Tuy Hòa; huyện Sơn Hòa và Tuy An

STT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm
3	Trưng bày Bảo tàng tỉnh Phú Yên giai đoạn 2	Thành phố Tuy Hòa
4	Tu bổ, tôn tạo danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Gành Đá Đĩa	Huyện Tuy An
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu di tích lịch sử Tàu Không số Vũng Rô	Thị xã Đông Hòa
6	Xây dựng mới Trung tâm hội nghị - Hội thảo tỉnh	Thành phố Tuy Hòa
7	Trung tâm Văn hóa, triển lãm tỉnh Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa
8	Hạ tầng thiết chế văn hóa cấp tỉnh, huyện, xã	Các địa phương trong tỉnh
IX	**Giáo dục - Đào tạo**	
1	Xây dựng mới 4 trường	Thành phố Tuy Hòa, Huyện Phú Hòa, Huyện Sông Cầu, Thị xã Đông Hòa
2	Nâng cấp cải tạo sửa chữa 25 trường	Địa bàn các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh
3	Trường trung học chuẩn quốc tế, trường liên cấp chất lượng cao	Thành phố Tuy Hòa, Thị xã Đông Hòa, huyện Tây Hòa và huyện Phú Hòa
X	**Y Tế**	
1	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thị xã và thành phố
2	Các bệnh viện cung cấp dịch vụ chất lượng cao	Thành phố Tuy Hòa
3	Hệ thống các Phòng khám bệnh	Các huyện, thị xã, thành phố
XI	**Thông tin truyền thông**	
1	Đầu tư nâng cấp, xây dựng, mua sắm trang thiết bị, ứng dụng và phát triển công nghệ số để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số	Toàn tỉnh
2	Đầu tư hạ tầng, xây dựng thành phố (đô thị) thông minh	Các đô thị

STT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm
3	Đầu tư đào tạo nguồn nhân lực; tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể người dân của tỉnh sử dụng ứng dụng dịch vụ công trực tuyến, các ứng dụng thiết yếu của đời sống…	Toàn tỉnh
4	Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng chuyển đổi số cho Đài phát thanh và Truyền hình Tỉnh; hệ thống thông tin cơ sở; các Đài truyền thanh xã; báo Phú Yên và hệ thống thông tin đối ngoại	Các địa phương
5	Đầu tư nâng cấp hạ tầng phục vụ Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025	Các địa phương
6	Thực hiện số hóa hồ sơ và khai thác dữ liệu số hóa phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước	Các địa phương
7	Hình thành khu công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Các địa phương
8	Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; nông nghiệp và phát triển nông thôn; quốc phòng, an ninh	Các địa phương
9	Dự án Trung tâm dữ liệu và cơ sở kết nối cáp viễn thông biển trên bờ (Data Center)	Thị xã Đông Hòa
XII	**Cơ quan nhà nước**	
1	Xây dựng Trung tâm hành chính của tỉnh	Thành phố Tuy Hòa
2	Xây dựng khu tập trung các Trường Đại học, cao đẳng	Thành phố Tuy Hòa
XIII	**Khoa học và Công nghệ**	
1	Không gian đổi mới sáng tạo	
2	Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa

STT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm
XIV	**Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học**	
1	Nhà máy xử lý nước thải	Thành phố Tuy Hòa; Thị xã Đông Hòa; Thị xã Sông Cầu
2	Khu liên hợp xử lý rác TP. Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa
3	Khu bảo vệ cảnh quan Đèo Cả - Hòn Vọng Phu	Thị xã Đông Hòa, huyện Tây Hòa và huyện Sông Hinh
XV	**Quốc phòng, an ninh**	
1	Các công trình quốc phòng, quân sự	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
2	Các công trình an ninh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh

Ghi chú:

* Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cam kết không hợp thực hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trịnh lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư các dự án tại Phụ lục này.

* Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Trong quá trình thực hiện, sẽ tiến hành rà soát, cập nhật bổ sung các dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn tỉnh trong từng thời kỳ để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội theo đúng quy định.

* Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp các địa phương hoặc nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư, báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép triển khai sớm hơn.

* Đối với phương án đấu nối các dự án nguồn điện sẽ được triển khai thực hiện theo Quy hoạch, Kế hoạch hiện hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

* Các dự án Khu đô thị và Khu dân cư sẽ được cụ thể hóa trong Chương trình phát triển đô thị và Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh.

Phụ lục XVIII
DANH MỤC BẢN ĐỒ, SƠ ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1:100.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:100.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	1:100.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	1:100.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1:100.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1:100.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	1:100.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	1:100.000

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng